

SỐ 1974

BẢO VƯƠNG TAM-MUỘI NIỆM PHẬT TRỰC CHỈ

Đời nhà Minh, đất Tứ Minh, Ngân Giang, Sa-môn Diệu Diệp soạn.

QUYỂN THƯỢNG

LỜI TỰA

Niệm Phật Tam-muội gọi là Bảo vương, vì đó là thứ Tam-muội cao tốt nhất trong các thứ Tam-muội. Đầu tiên được nói ra ở Lô Sơn, về sau được truyền khắp trong thiên hạ. Kế tiếp nhiều đời người tu pháp môn này được vãng sinh không phải một, làm văn minh chứng sự linh nghiệm để lại cho đời kể cũng khá nhiều. Từ xưa đến nay rất nhiều sách vở hoặc Thiên hoặc Giáo đều tôn sùng, cả phàm lẫn Thánh đều kính ngưỡng. Chỉ vì đời mạt pháp căn cơ cạn kiệt nên nhân làm thuốc mà thành bệnh. Vì đối với Cực lạc Tịnh độ lại không cầu vãng sinh Tây phương mà chỉ tìm cầu phân biệt các duyên ảnh. Phần nhiều đều do cái thấy này mà mang phải đau thương. Than ôi, luống uổng biết bao công khổ nhọc tu hành mà chẳng chiêu cảm được gì.

Nay đối với các kinh nói về Tịnh độ cùng các lời sơ lời sao của các tông thuyết mà nhật nhạn chọn lọc những yếu chỉ sâu sắc để soạn thành một bộ sách. Dẫu rằng lời văn còn thô thiển nhưng chẳng dám theo ý riêng tư mà luôn tự cảnh tỉnh mình và dám mong nghe lời dạy bảo của các bậc cao thâm, nên mạo muội đặt tên cho sách là Bảo vương Tam-muội niệm Phật trực chỉ.

1. Ý chánh của Cực lạc.

Vả chẳng, trí giác chánh biến tri vô thượng của Thánh chủ Thế Tôn đều thích hợp khắp mọi cơ nghi, trình độ, hoàn cảnh, nên từ cung trời Đâu-suất giáng thân sinh ra đời, suốt bốn mươi năm nói pháp hơn ba trăm hội đều khiến chúng sinh đồng chứng chân thường. Cho đến hội

Linh sơn sau cùng mới thuyết giảng kinh Pháp Hoa là để khiến chúng sinh được khai thị ngộ nhập vào Phật tri kiến bốn hoài xuất thế do đây được thông suốt. Nhưng đạo ra đời độ sinh đâu phải chỉ một mình Đức Thích-ca mà chung cả ba đời Như Lai đều như thế cả. Song trong số các pháp môn trọn một đời giáo hóa của Đức Thích-ca nói ra, pháp môn thích hợp với mọi căn cơ trình độ để chúng sinh cùng Phật cảm duyên nhau sâu chắc nhất, giản dị nhất mà công hiệu nhanh nhạy nhất thì không gì bằng một pháp môn cầu vãng sinh Tịnh độ.

Bởi pháp môn niệm Phật này đầu tiên là do Ngài Pháp Tạng Tỳ-kheo ở vô lượng kiếp trước là một vị đại Quốc vương, khi nghe Đức Phật Thế Tự Tại Vương thuyết pháp liền bỏ ngôi báu mà xuất gia làm Tỳ-kheo. Lại được Đức Phật nói cho nghe các việc khác nhau về lành dữ, thô diệu của trời người ở khắp cả hai trăm mười ức cõi Phật trang nghiêm. Nghe xong Ngài Pháp Tạng ở trước Đức Phật mà phát bốn mươi tám lời đại nguyện, nguyện khi thành Phật rồi thì trong cõi nước của Ngài không có các thứ chướng ngại như ba đường dữ, ba độc, tám khổ, tám nạn, chín não, mười phiền v.v... người sinh vào cõi nước ấy đều trụ vào chánh định, là người được Vô sinh pháp nhẫn, giác ngộ bản tâm, có thắng trí giải thoát. Cho đến chỉ niệm mười niệm cũng được vãng sinh, nếu không được như thế thì nguyện không thành chánh giác. Khi đó đất bằng đều rung động, trời mưa hoa quý, trên không trung vang rền tiếng nhạc trời. Đức Phật liền thọ ký cho Ngài Pháp Tạng. Từ ngày chứng quả Phật đến nay đã được mười kiếp. Do sức nguyện xưa cao quý nên có công đức, thần thông, hào quang ánh sáng và các lực vô úy v.v... trội hơn mười phương Phật khác, hiệu là A-di-đà. Cõi nước của Đức Phật A-di-đà gọi là Cực lạc hoặc An lạc, ở cách thế giới Ta-bà này về phía tây hơn mười vạn ức cõi nước. Do lời đại nguyện xưa và do sức thần thông, Ngài đang ở cõi nước ấy thuyết pháp nhiếp thọ tất cả chúng sinh niệm Phật ở khắp mười phương thế giới. Chúng sinh nào sinh lên cõi ấy đều được bất thoái chuyển, chỉ trong khoảnh khắc số đông đã không thể tính đếm được huống là trải suốt các kiếp thì số người được độ thoát sinh lên cõi ấy đông vô hạn, nhiều như bụi vi trần, hằng sa cũng không ví dụ được. Cõi nước của Đức Phật ấy trang nghiêm đẹp đẽ vượt trội hơn cả mười phương. Có nhiều ao báu lớn nhỏ đều toàn bằng bảy báu. Hoặc có ao rộng lớn mênh mông đầy nước, đáy toàn cát bằng vàng, quanh mặt ao có đường rộng dẫn xuống ao bằng những bậc thêm. Lại có nhiều tòa lầu các đồ sộ, chồng chất lên muôn vạn tầng, rộng rãi đẹp đẽ, ánh sáng rực rỡ không thể kể xiết. Trong ao có nước tám công

đức trong xanh thơm mát bổ dưỡng đầy ấp làm mười bốn chi, theo dòng lên xuống các vật đẹp quý ấy vang lên tiếng giảng nói vô lượng pháp môn. Trong ao nước lại có sáu mươi ức hoa sen bằng bảy báu tròn đầy ngay ngắn. Nước chảy vào lá sen tỏa ra ánh sáng bốn màu. Các hoa thứ tự sắp theo ba hàng chín bậc, tỏa ngát hương thơm kỳ diệu, chiếu sáng khắp nước. Ở cõi nước ấy đất đai đều bằng phẳng, ấy là do nguyên lực mà thành. Trên mặt đất lại có bảy lớp rào (lan can), bảy hàng cây báu, cột báu dài tạ cờ xí, phan phướng, tàn lọng chuỗi ngọc, mỗi thứ đều nhiều vô lượng đẹp quý lạ lùng, có mặt khắp nơi để làm đẹp cho cõi nước ấy. Lại trên không trung thường mưa xuống các thứ áo trời, hương trời, hoa trời, nhạc trời, mỗi thứ đều nhiều vô số, lấp lánh rực rỡ bay tản mát khắp hư không. Như thế vô số các vật báu trang nghiêm ấy đều toàn bằng vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, Tỳ-lăng-già, Chân-thúc-ca v.v... Các thứ kim cang, ma-ni, châu như ý, các báu tạo nên cũng không thể nghĩ bàn. Trong các vật báu ấy mỗi thứ đều phóng ra vô lượng trăm ngàn vạn ức ánh sáng bảo sắc chứa, lấp lánh soi chiếu vào nhau mỗi mỗi chiếu khắp cả tam thiên đại thiên thế giới. Các ánh sáng ấy giao chiếu nhau không hề trở ngại, tận bờ mé cõi hư không cũng sáng chiếu mãi không cùng tận. Như thế vô số mỗi mỗi ánh sáng mỗi mỗi thứ trang nghiêm đều cùng các thứ âm nhạc, hương hoa trời, các loài chim quý, các chuông quý kết thành lưới trong hư không cùng hòa giọng, tiết tấu êm ái, âm điệu trong trẻo Thánh thót, phát ra vô lượng vô biên âm thanh kỳ diệu. Âm thanh ấy ngân vang mãi khắp nơi không dứt, luôn luôn diễn nói về các thứ như: khổ, không, vô ngã, các pháp Ba-la-mật, khen ngợi đạo Bồ-đề, khen ngợi Phật Pháp Tăng, hoặc nói về tứ Niệm xứ, tứ Chánh cần, ngũ Căn, ngũ Lực, thất Giác chi, bát Thánh đạo, các hạnh của Bồ-tát, các đế, duyên, nguyện, độ, các lực vô úy, mười tám pháp Bất cộng, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả v.v... vô lượng các pháp môn không thể nghĩ bàn. Các pháp ấy thì đều dung thông vô ngại tất cả tâm, sắc, y báo chánh báo khắp mười phương ba đời. Và lại khuyên mọi người cố gắng tinh tấn giống y như tiếng Phật nói không khác. Chúng sinh ở cõi nước ấy khi nghe pháp rồi thì mỗi niệm đều tùy sự ham thích mà có thể nhanh chóng chứng nhập vào các thắng hạnh của Tam Thừa, có tất cả đạo phẩm, được vô lượng giải thoát, giống như nghe từ đích thân Đức Phật giảng thuyết. Dẫu là phàm phu, khi nghe pháp này rồi thì tự nhiên siêng năng tinh tấn, tâm không hề có một niệm mỗi một thì làm sao lại có lui sụt thối chuyển.

Lại ở cõi nước ấy toàn là người nam không có người nữ chỉ hóa

sinh từ hoa sen mà không hề ở trong bào thai, mặc đẹp ăn ngon lại hay thành tựu được pháp hỷ, cho nên tùy theo ý muốn nghĩ gì sẽ có vậy. Ở cõi ấy không có lạnh nóng, ngày đêm, không có sinh già bệnh chết, không có các núi đất đá, không có ba đường dữ, qua lại trên không trung, đi kinh hành dưới cội cây, hoặc muốn làm các Phật sự hay hóa hiện thần thông, tất cả đều do tâm nghĩ ra. Lại ở đấy có tuổi thọ vô cùng, các thứ vui sướng cũng vô cùng nên gọi là Cực lạc. Đó là chúng sinh và cõi nước, còn đức Thế Tôn Di-đà thì công đức, ánh sáng, oai thần, tướng đẹp... mỗi thứ đều có số tám vạn bốn ngàn, cao lớn như tòa núi vàng tía, ngồi trên tòa sư tử ở trong hoa sen thật to, trang nghiêm chói lọi, vượt cả hư không, biển cả núi cao không thể sánh kịp. Và lông trắng giữa mày, công đức càng thêm cao quý như ánh thái dương tỏa sáng át hẳn các ánh sáng khác. Trong hào quang ấy có vô số hóa Phật, Bồ-tát, Thanh văn đều phóng quang chiếu khắp các cõi nước nhiều như bụi vi trần để nhiếp thọ chúng sinh. Cả hai vị đại sĩ Bồ-tát cũng thế, tức Ngài Văn-thù-sư-lợi và Ngài Phổ Hiền Đại Hạnh và các đại Bồ-tát đều ở cõi nước ấy. Các vị Nhất sinh bồ xứ rất đông, các bậc thượng thiện nhân tụ họp ở một nơi đều là bạn hiền, vì cùng kính Phật làm thầy luôn gần gũi đáng từ dung nghe học Đệ nhất nghĩa. Nhanh chóng vượt thoát ba cõi liền chứng được vô sinh, vượt lên Thập địa cao siêu, tròn đủ hai giác, hưởng là trong từng niệm đều cúng dường mười phương Tam bảo thành tựu tất cả pháp môn, dùng thần thông dạo chơi khắp các Tịnh độ của chư Phật, cho đến nhập vào cả ba đường sáu nẻo phóng quang phá tan bóng tối, cứu khổ muôn loài. Hoặc phân thân khắp vô số cõi nước khác mà tùy căn cơ hoàn cảnh chúng sinh để giáo hóa dẫn dắt, tùy bệnh cho thuốc, mở rộng lòng Từ bi giống Phật. Trong mỗi niệm đều đầy đủ hạnh nguyện Phổ Hiền vẹn toàn trí tuệ Văn-thù, có sức mạnh lớn cùng đức Quán Thế Âm đồng chứng Bồ-đề, đồng ở chỗ Phật. Tất cả chúng sinh tuy còn mê muội ngu si nhưng nghe lời nói này hỏi ai không vui mừng mà sinh tin tưởng ưa thích. Song cõi nước kỳ diệu với mọi thứ trang nghiêm đẹp đẽ kia dù tất cả đều đầy đủ ở tâm ta, nhưng nếu không phải Đức Như Lai Di-đà ở đời quá khứ vì muốn độ thoát chúng sinh mà tu đạo Bồ-tát nhiều không kể xiết thì đâu được như thế. Nên biết rằng Đức Phật ấy thì hạnh nguyện vô biên, trang nghiêm vô tận, thế nên Đức Như Lai ở cõi nước ấy do đại nguyện đã tròn vẹn nên cõi báu riêng thành và y chánh báo trang nghiêm tất cả đều đầy đủ. Như thế tất cả cảnh giới y chánh trang nghiêm đó giả sử ở các cõi nước khắp mười phương có vi trần số Bồ-tát và Thanh văn nhiều như toàn thể số cát của một trăm con

sông Hằng mà dùng đại biện tài khen ngợi đúng thực các sự thể ấy thì suốt kiếp vị lai cũng không nói hết được. Nếu kẻ thiện nam tín nữ nào nghe nói như thế mà thành tâm tin ưa muốn sinh về cõi ấy thì nên theo đúng lời Phật dạy, trọn phát ba tâm, đầy đủ giới hạnh không phạm oai nghi, sau đó chánh tâm hướng thẳng quán tưởng về cảnh giới ở cõi nước ấy với tất cả y chánh có vô lượng thứ trang nghiêm đẹp đẽ kỳ diệu và quán tưởng về thân công đức, quang minh thanh tịnh với tám vạn vẻ đẹp của Đức Như Lai ấy, hoặc quán tưởng riêng về cảnh giới hay thân tướng đẹp, cho đến quán tưởng về ánh hào quang từ lông trắng giữa chận mày phóng ra mà xa lánh tất cả hư vọng. Hoặc niệm danh hiệu từ một đến mười, từ một ngày đến bảy ngày thì trong khoảnh khắc nhanh chóng như thời gian kẻ dưng sĩ co duỗi tay liền được vãng sinh.

Như có người tin chắc là có cõi nước ấy, có Đức Như Lai ấy đầy đủ nguyện lực oai thần không hề nghi ngờ, chỉ hay nhất tâm bất loạn trì danh hiệu, không ước hẹn kỳ hạn thì cũng được vãng sinh lên cõi ấy, đâu cần phải đợi thân này chết đi rồi mới vãng sinh. Nên biết rằng Đức Phật Di-đà tiếp độ chúng sinh khiến họ thoát khỏi bể khổ, thương xót còn hơn cha mẹ vì ở trong kiếp trước, Ngài đã lập lời nguyện lớn là không khổ não nào không chịu đựng, không hạnh nào không đạt đến, không nguyện nào không lập, không pháp nào không giảng nói. Tất cả vì để độ thoát chúng ta mà có trăm ngàn phương tiện, nay chính lúc mắt ta nhắm nghiền thì Ngài liền duỗi tay tiếp dẫn. Trải suốt mười kiếp nhớ mãi không rời còn hơn banh xé cả tim. Lắm lúc thương quá Ngài dẫn thân vào chốn sinh tử, trải khắp ba nẻo dữ, xông vào cả lửa đỏ ở địa ngục, không nài mệt nhọc khó khăn. Nếu tu biết hồi tâm hướng Phật như con thơ luôn nhớ thương mẹ hiền đau đáu bên lòng thì không đầy một niệm liền được vãng sinh, hà tất phải trải qua thời gian cả mười niệm rồi mới được vãng sinh.

2. Bác vọng bày chân.

(Phụ thêm bản vẽ nói về tâm cảnh chân vọng).

Người tu hành muốn cầu sinh về cõi ấy lánh xa chốn sinh tử thì trước hết phải nhận thức sâu sắc về tâm chân vọng cầu sinh lên cõi ấy. Vả lại nói về thế giới Cực lạc kia là ở cảnh hay ở tâm. Nếu là ở tâm thì chỉ là hư tưởng vì không có cõi nào để sinh đến cả. Còn nếu ở tại cảnh thì tuy có chỗ sinh nhưng lại mất tâm. Nếu là tâm cảnh cả hai đều cầu sinh thì thân và tâm ta là một đầu thể sinh hai chỗ. Nếu bảo tâm cảnh là một, nhất tâm cầu sinh thì từ nay tâm cảnh đã rõ ràng ra đó khó nói là một được. Lại Cực lạc và Ta-bà thì sạch nhơ có khác, hướng là đức

Thế Tôn đã dạy khiến phải bỏ như mà cầu sạch thì nói là một nghĩa sao được? Cả bốn trường hợp đều không thể cầu. Hoặc lại bảo nơi nào cũng là Tây phương Cực lạc cả, hoặc bảo tâm tịnh thì là Cực lạc, hoặc nói Cực lạc không lìa cái ấy. Nếu hiểu như thế thì đều gọi là tà kiến. Nhân đó tôi không thể nào làm thình được. Nếu bảo Cực lạc ở tại tâm thì liên vọng nhân tâm này ở trong thân ta, mà đã ở trong thân thì phải gọi là cầu tâm chứ sao gọi là cầu sinh. Chẳng lẽ đức Thế Tôn ta biết Cực lạc ở tại tâm lại nói cõi ấy ở phương Tây cách đây mười vạn cõi nước. Há lại chẳng thể nói tâm ở bên trong mà chỉ nói cầu cảnh bên ngoài được sao? Nay tại thế giới Cực lạc ở phương Tây Đức Phật A-di-đà hiện đang nói pháp ở đó, cảnh thật đã rõ ràng. Đây là lời thành thật của Phật Thánh nói sao dám không tin? Nhưng không biết rằng cảnh Cực lạc ngoài tâm ảnh duyên này chính là chân tâm của ta. Chơn tâm của ta đây nó như biển cả không thêm không bớt, mà ông vọng bảo là cảnh, ông cho rằng cảnh Cực lạc ở trong tâm ảnh duyên. Mà tâm ảnh duyên này giống như một đóm bọt biển, sinh đó mất đó toàn vọng. Nay ông vọng bảo đó là tâm, rồi cố chấp vào cái vọng thấy này mà không tin là có cảnh Cực lạc ở bên ngoài, ông chỉ tin là nó ở trong tâm ảnh duyên của ông. Mà tâm ảnh duyên của ông không có tự thể không thể lấy tâm mà cầu sinh ở tâm. Mà không biết cõi Cực lạc kia tuy ở tại Tây phương nhưng Tây phương chính là chân tâm của ta. Mà chân tâm thì không có tự tánh, chính cái gọi là thể là cốt để hiển bày tâm ta, nên gọi thể vốn không cũng tức là tâm ta mà chỉ cái tướng của nó.

Tâm và cảnh là một thể, chúng sinh và Phật đồng nguồn. Cầu Đức Phật ấy chính là cầu tự tâm mình, không phải là cầu cái gì ở bên ngoài. Tìm xét tự tâm thì cần phải cầu Phật ấy, há lại lầm với người khác ư? Như thế thì lấy bỏ ham chán hững hấy chấp tướng mặc tình mong cầu đâu có ở ngoài tâm, vì tâm có đầy đủ tất cả thì biết được tất cả cảnh giới y chánh trong tâm tròn đầy này cho đến cả sắc và tâm, sạch và như, chúng sinh và Phật, nhân và quả và các pháp khắp mười phương suốt ba đời đều bao gồm cả không sót và đồng thọ dụng. Nếu chỉ cầu một tướng bên ngoài thì rất không thể được. Tuy là không có tướng bên ngoài nhưng không chia mà chia, sạch và như rất rõ ràng. Cho nên phải biết như thế mà cầu, há lại đi cầu ở vọng tâm. Nguyên cầu như thế thì Phật sẽ chứng nhận. Còn nếu ở đời không biết bốn tâm, ngu si vô trí, không cầu Đức Phật ở Tây phương Cực lạc mà chỉ hướng vào vọng tâm ảnh duyên trong đồng thị của mình mà cầu rồi gọi là duy tâm Tịnh độ, bốn tánh Di-đà thì thật là quá xa xôi.

Song cõi nước Cực lạc ấy không phải nương vào ảnh duyên vọng tâm, lại sắc thân của Đức Phật ấy cũng không ở trong ấm thể của chúng sinh. Nếu nay ta hưởng vào thân tâm duyên của bốn đại mà cầu ông Phật bốn tánh của mình, không cầu Đức Phật ở Tây phương Cực lạc thì vì vọng tâm có sinh diệt, nên ông Phật ấy cũng sinh diệt. Vì ông Phật có sinh diệt nên Tam-muội không thành. Dầu cầu mà có được thì chỉ thành ông Phật có sinh diệt, lại sinh vào cõi có sinh diệt mà không thành Chánh hạnh. Kinh nói: “Nếu lấy tâm luân hồi mà sinh cái thấy luân hồi thì dầu có thành tánh viên giác thì cũng đồng với luân hồi mà chuyển” là đồng với nghĩa này vậy. Nếu muốn lìa các vọng kiến vãng sinh thẳng đến cõi ấy thì chỉ nên cầu Đức Phật Di-đà cõi Cực lạc ở phương Tây cách đây mười vạn ức cõi nước. Nên lấy Diệu quan sát trí xứng tánh đúng thực mà quán tưởng thì sẽ khiến tướng đẹp bốn giác của Như Lai kia ở cõi ấy hiện ra hòa hợp với cái chân tâm thủy giác của chúng sinh. Sự phát minh này thì thủy bản thâm hợp, chúng sinh và Phật cảm thông thì Tam-muội liền thành, Chánh hạnh được lập, thì mới có thể sinh vào cõi không còn sinh diệt được, cho nên biết tâm này biến khắp mọi nơi không rảnh rang ở chốn địa ngục thì làm sao nghỉ ngơi được ở cõi Cực lạc. Nay chỉ là thuận tánh mà cầu lìa khổ ở địa ngục và cũng thuận tánh mà cầu sinh vào chín phẩm sen vàng ở Cực lạc. Chỉ luôn nương vào kinh giáo, thuận theo pháp âm của Phật mà cầu lìa khổ được vui, từ hàng phàm phu được vào bậc Thánh, thật không ra ngoài tâm tánh của chúng ta, nên gọi là Duy tâm Tịnh độ, bản tánh Di-đà, chứ không phải nói từ vọng tâm mà cầu vọng tâm không tự thể thì sao gọi được là Phật duy tâm bốn tánh ư? Nếu kẻ ấy hưởng vào vọng tâm ảnh duyên của mình mà cầu thì sắc thân và sơn hà đại địa cùng các cõi nước ở mười phương đều là cảnh bên ngoài. Còn người hưởng vào chân tâm bất động của mình mà cầu thì lập tức cả cõi nước mười phương, sơn hà đại địa đều là ở trong tâm. Nếu biết mười phương cõi nước chính là nội tâm thì nhồi thành một khối, cho nên ta mặc tình trong đó mà bỏ như lấy sạch, chán cõi phương Đông ham thích cõi phương Tây, hoàn toàn không ra ngoài tự tâm, vì cho rằng thật có quả Phật và đại nguyện ấy hay tiếp dẫn chúng sinh cho nên hề cầu thì được. Nếu bảo các cõi nước ở mười phương là ngoại cảnh thì sẽ chia thành hai khối, cho nên vừa động niệm thì liền trái với pháp thể, liền mất đi cái dụng, nên không được tự tâm. Vì chỉ khi nào tánh đầy đủ nhân Phật này không còn lực dụng nữa thì dầu có cầu mà vẫn không được. Lại vọng tâm thì chỉ là ảnh duyên hư vọng rồi lằm cho bên trong sắc thân này không có cõi nào để

sinh đến. Còn chân tâm thì gồm nuôi tất cả vô số cõi nước, vốn đầy đủ y chánh ở Cực lạc nên cầu thì liền sinh. Vọng tâm thì bỏ bên ngoài mà hướng vào trong, còn chân tâm thì tức ngoài là trong, trong mà không ngoài, cho nên cầu bên ngoài thì có tướng, quả, Phật tức là cầu chính tự tâm vì bên trong không phải thật có. Còn cầu bên trong mà ảnh duyên không tự thể nên không thấy tự tâm. Vọng tâm thì tâm và cảnh rạch ròi, còn chân tâm thì tức tâm tức cảnh, vọng tâm thì sinh diệt không căn cứ, còn chân tâm thì không lay không động. Vọng tâm thì ở nhân mà không quả, trước sau có sinh diệt, còn chân tâm thì nhân quả là một, tánh và tu giao nhau mà thông suốt, cho nên biết do chân tâm hay vọng tâm mà cầu có khác nhau. Nếu thế khi luận về thời gian thì ngày và kiếp đâu có dài ngắn khác nhau, còn luận về nơi chốn thì trời và đất chỉ là một. Nếu luận về thể, nếu là chân thì trong viên lại có đủ mười hư, nếu là vọng thì ở chính trong thân này. Còn luận về dụng nếu chân thì cắt đứt ngang Ta-bà mà thoát ngay cõi sinh tử, nếu là vọng thì là nấu cát làm cơm trái mấy kiếp cũng khó thành. Thế nên người tu phát tâm Bồ-đề cầu sinh cõi Tịnh độ, há chỉ cầu cái vọng tâm ảnh duyên của mình mà không cầu chân Phật ở Cực lạc Tây phương. Thật khá đau xót. Ví như muốn đi về hướng Tây mà cứ quay mặt về Đông, muốn bay lên cao mà ôm nhiều đá, tìm nước trong lửa, tìm lửa trong nước, làm sao được.

Than ôi, người thời nay không biết chân tâm ở khắp mọi nơi, chính nơi sắc làm rõ tự thể mà vọng nhận việc duyên trần ảnh gọi đó là bản tánh thật quá lắm vậy. Ví như có người nhận giặc cướp làm con thì cả gia tài báu vật đều bị mất hết. Việc phân biệt bóng mà vọng nhận là tâm thì cũng y thế. Nếu như biết con chính là giặc thì không bị giặc hại, biết ý là vọng thì vọng nào mà hại được, chỉ vì không thể nhận biết đó là y chánh báo Cực lạc vậy. Ngài Tứ Minh Pháp Trí Đại Sư nói sớ dĩ có thuyết chỉ vọng tức chân, quán Phật, quán tâm v.v... mà trọn không hề bác bỏ thật cảnh y chánh Cực lạc thì đời sau đâu có bọn tà kiến như ong vỡ tổ, đám ma phỉ hễ hừng phá diệt Phật pháp, đoạn dứt Phật chủng tánh. Vì mãi vọng chấp cõi Cực lạc nhiệm mầu kia là ở trong tâm ảnh duyên của ta mà không chịu cầu ở Tây phương, thì là quá mê lầm điên đảo vậy. Những kẻ ở trong vùng xa xôi hẻo lánh chưa hề nghe chánh thuyết, chỉ lấy cái tà kiến này mà lén lút truyền trao, mê hoặc lòng người, dù không chạy trốn cái khổ báo chốn địa ngục thì còn dung thứ được. Chứ như bọn tứ chúng xuất gia chúng ta đầu tròn áo vuông mà còn tin theo nhận thức ấy thì thật đáng thương xót. Nếu chính vì sinh tử thì phải xem lời nói này là đúng.

Nếu có kẻ chướng nặng không tùy thuận theo được pháp môn này thì càng nên xét kỹ vọng tâm ảnh duyên cảnh giới nó như thế nào? Cái tâm hư vọng này đã không có tự thể chỉ sinh diệt theo ta, rồi vọng nhận là ta. Vì vọng nhận là ta nên bảo tâm nào đang ở trong sắc thân ta, rồi bảo sắc thân ta đang ở trong thế giới, và bảo thế giới đây đang ở trong khoảng hư không này. Mà tánh hư không này thì rộng lớn khó lường bao gồm khắp các cõi. Như thế thì hư không là lớn mà cõi giới là nhỏ, tâm kém hơn thân, một niệm liền biến thành nhỏ, thật khó chỉ ra được. Há có thể lấy một niệm bé nhỏ yếu ớt của vọng tâm vô thể ở đó mà cầu được cảnh giới mầu nhiệm y chánh Cực lạc. Ở chỗ không thể cầu mà cầu đâu không quá lằm lạp. Đã hiểu rõ nghĩa này thì biết tánh không như thế là vô biên tuy không thể lường nhưng không ở ngoài cái tâm đại giác thanh tịnh của ta, tánh không ấy chỉ như là một vầng mây trong khoảng bao la xanh ngắt, hướng là các thế giới ở trong khoảng hư không, hướng là sắc thân ở trong thế giới này, hướng là vọng tâm này ở trong sắc thân, cho nên biết đó là vọng chấp cái thân bé nhỏ này cùng cõi giới to lớn và khoảng hư không bao la, nhưng từ nhỏ nhất cho đến to lớn thế nào đi nữa đều không ra khỏi cái bản tâm ta hiện nay. Cho nên biết tâm ta như hư không còn khoảng không kia chỉ là hạt bụi. Tâm ta rộng lớn mênh mông không bờ không đáy gồm chứa khắp mười phương ba đời tất cả hư không vi trần cõi nước và tất cả sắc thân vọng niệm của chúng sinh. Cho nên muốn cầu một pháp ở ngoài tâm rất không thể được. Cớ sao lại riêng cho Tây phương Cực lạc không phải ở ngoài tâm? Đã mãi lần lửa điên đảo còn không chịu rời thì nói gì đến việc trang nghiêm tịnh hạnh. Nếu muốn sinh về cõi Tây phương nhanh chóng thoát khỏi sinh tử há chỉ cầu bên ngoài mà được sao?

Kinh nói rằng nhận mê trong ngộ lấy mờ tối làm hư không, trong khoảng không mờ tối, kết tối đen làm sắc. Sắc xen vọng tưởng nên tưởng tượng làm thân. Nhóm duyên bên trong luôn động, hướng về bên ngoài chạy nhảy buông lung, lấy tướng tối mờ quấy rối làm tâm tánh. Một khi tâm mê thì nhất định là có mê mờ trong thân xác. Không biết rằng ngoài sắc thân cho đến sông núi hư không, đại địa đều là vật ở trong chân tâm diệu minh. Ví như trăm ngàn biển cả lắng trong mà bỏ đi chỉ nhận lấy một đám bọt bèo trôi nổi làm toàn thể, rồi bảo toàn là nước cả biển khơi. Các ông như thế là đám người mê trong mê, như ta nay rũ tay thì tất cả đều không khác.

Lại nói Minh tâm diệu giác ở khắp các cõi mười phương gồm nuôi các cõi nước của mười phương Như Lai, nó là cõi chúa Diệu giác

bầu đẹp thanh tịnh. Lại nói các cõi hư không ở mười phương sinh ra trong tâm ông cũng chỉ là một vẩn mây điểm trên khoảng bao la xanh thẳm, huống là các thế giới trong hư không ấy. Quán theo nghĩa này thì các cõi và hư không ở khắp mười phương, y chánh, sắc tâm... đều là ta vốn có. Nay ta quyết định cầu vãng sinh ở cõi ta vốn có, cầu thấy Đức Phật vốn có thì có gì mà không được, mà bảo là cầu ở bên ngoài, vì ta đã nguyện cầu thì tâm liền cảm thấu. Đức Phật kia khi vì ta hiện ra thì chính là tâm Phật vốn có tự đáy sâu của ta hiện ra, tâm Phật chân thật ấy không hề từ ngoài đến, đã không từ ngoài đến thì khi Phật đó hiện ra tức là tâm ta hiện ra, khi tâm ta hiện ra tức Phật đó hiện ra. Tâm ta tức là tâm Phật ấy, Phật ấy tức là Phật của tâm ta, một thể không hai, tánh vốn viên dung. Cớ sao lại có thể bỏ đi Đức Phật nội tâm ở Tây phương Cực lạc mà vọng chấp là chỉ riêng có Phật duy tâm?

Hoặc hỏi: Tuy là vọng tâm há lại không đủ cả y chánh, sao lại phải khiến người cầu ở cảnh bên ngoài?

Đáp: Vọng tâm nếu đầy đủ tất cả pháp y chánh, há lại không đầy đủ cả Tây phương Cực lạc. Nếu biết Tây phương Cực lạc là thật cảnh nhất như với Ta-bà có thể cầu, có thể nói tâm đầy đủ. Nếu bảo tâm này là đó, ngoài tâm là cảnh không thật, thì đây chỉ là vọng tâm hư tưởng có gì là thật đâu mà bảo là tâm đầy đủ. Lại tâm tức cảnh thì gọi là chân tâm, tâm lìa cảnh thì gọi là vọng tâm cho nên biết chân vọng tuy đồng mà “tức và lìa” là khác, được “tức” thì mất “lìa”, “tức” phải thì “lìa” quấy, ý chỉ rất rõ ràng.

Lại như Pháp sư Thiệu Khang tu nhân niệm Phật. Khi niệm danh hiệu Phật thì Phật trong miệng bay ra giống như các hạt ngọc liền nhau, hình dạng ấy lưu lại, khiến cả chúng hội đều thấy. Phật còn có hình tướng thì cõi nước sao chẳng thật có. Lại có một nhóm bảo đối với sự thì có, đối với lý thì không, hoặc bảo chốn chốn đều là Tịnh độ. Thật đáng thương thay cho đám người này lắm sâu khó bỏ. Lại như Ngài Nam Dương pháp sư thuộc phái Thiền tông đã vô tình nói pháp thoại với Thiền khách rằng: “Tuy tôi không chuyên nói về chỉ thú Tịnh độ nhưng cũng đau lòng vì đời Mạt pháp số người hưởng về ảnh duyên mà cầu Phật thì quá nhiều.” Cho nên ở đây không thể không nói đầy đủ.

Phần phụ: Hình vẽ nói về cảnh tâm chân vọng.

- Hình vuông lớn là dụ cho chân tâm đại giác không sinh diệt, lượng của tâm không thể lấy gì làm dụ, nên nay lấy hình vuông như thế.

- Hình tròn là dụ cho vô biên hư không ở mười phương.

- Mười hình vuông nhỏ là dụ cho mỗi vi trần số thế giới ở mười phương.

- Chữ tâm ở giữa thân người là dụ cho bụng ông hiện đang chứa ảnh duyên vọng tâm lục trần. Tâm vọng ảnh này đang ở trong thân ta, thân ta ở trong thế giới, thế giới ở trong hư không, hư không ở trong chân tâm đại giác sẵn có, cho nên biết hai cõi Đông thì dơ mà Tây thì sạch. Cảnh thật có hai hình, cách nhau mười vạn ức cõi nước đâu có thể ở trong tâm ảnh duyên hư vọng hiện tại của ông.

- Phật, Tổ có nói duy tâm Tịnh độ, bốn tánh Di-đà là ở đây lấy hình vuông mà dụ. Nó hay gồm chứa chân tâm thập hư đại giác không sinh diệt. Nếu bảo nó ở trong tâm ảnh duyên vọng tưởng hiện có của ông thì có thể bảo là mê hoặc qua mức vậy.

Kinh Lăng-nghiêm có nói: Ví như có trăm ngàn biển cả lắng trong lại bỏ đi chỉ nhận lấy bọt nước trôi nổi làm thể rồi bảo là toàn nước khắp các bể khơi. Đây thật là đám người mê trong mê, tức là nghĩa này vậy. Lại nói các hư không ở mười phương sinh ra trong tâm ông cũng như vẫn mây điểm trên khoảng không huống là các thế giới trong hư không há lại có thể lìa cái chân tâm vốn có của ta sao? Lại bảo hư không sinh trong đại giác giống như một bọt nước trong biển cả, vi trần cõi nước hữu lậu đều nương vào hư không sinh ra, như thế thì các cõi sạch như không thể lìa chân tâm thì vì sao lại trở ngại mà trước tướng cầu sinh. Nếu hiểu rõ thì xa tức là gần, cầu tức không cầu, tự hợp với lý thú. Về hai tâm chân vọng này người xưa đã giải thích rất nhiều rất hay, không thể dẫn đủ. Kẻ tu hành há chẳng noi theo?

3. Quả trách hiểu lầm.

Niệm Phật Tam-muội gọi là Tam-muội vương là vì cảnh giới của nó rất sâu, rất khó cùng tột. Xưa nay các tổ sư truyền trao cho nhau không giống, đến như tông Thiên Thai nói là đầy đủ nhất thì Từ Ân, Hiền Thủ mỗi vị dẫn ra khá dài. Kịp đến Thiên tông của ta cũng rất sáng rõ chỉ vì kẻ hậu học dần độn cạn cợt, không hiểu được chỗ hướng về, còn chưa lên tòa nói pháp đâu thể nhập thất ngồi yên. Chưa tìm được pháp môn mà dị kiến đã quá nhiều bèn đem thiên tông Lục tổ, chỗ đại sư trong Đàn kinh nói về Tịnh độ, trong đêm tối đoán mò, căn cứ vào lời nói mà hiểu càng rồi bảo vốn không có Tịnh độ, bất tất phải cầu vãng sinh, mà không biết là đại sư ta không phải chỉ nói tùy cơ nghi mà thật ra nghĩa rất phù hợp với ý chỉ của kinh. Vả như theo lời ấy thì chỉ nói Tịnh độ bất tất phải cầu sinh cũng không nói là không có Tịnh độ. Tịnh độ đã có thì lý vãng sinh tất rõ ràng, vì sao kẻ mới học lại chấp

ngón tay là mặt trăng. Nếu căn cứ vào lời Đại Sư nói thì: “Người mê thì niệm Phật cầu vãng sinh vào cõi ấy, còn người ngộ thì tự tịnh tâm mình.” Lại bảo: “Người ở Đông phương chỉ cần tâm tịnh liền không tội, dầu người ở Tây phương mà tâm không tịnh thì cũng có lỗi. Người Đông phương tạo tội niệm Phật cầu sinh Tây phương, còn người Tây phương tạo tội niệm Phật thì cầu sinh vào cõi nào? Kẻ phàm phu không hiểu rõ không biết Tịnh độ ở trong thân nên nguyện Đông nguyện Tây, người ngộ thì biết đây là một thứ.”

Lại nói Tịnh độ xa gần là do chúng sinh có thiện căn không đồng, mà cõi Phật đâu có xa gần khác nhau. Thế nên gọi là “bất tất phải cầu sinh”. Song điều cần yếu là chúng sinh dứt hẳn mười ác và tám tà, tu đủ thập thiện và bát chánh, lại khiến biết rõ tâm địa tánh vương không lìa thân này, chỉ vì mê ngộ mà có khác. Nếu ngộ thì hay thật hành Từ Bi Hỷ Xả, các việc thiện, bằng, thẳng v.v... tức là Quán Âm, Thế Chí, Thích-ca, Di-đà. Nếu mê thì phân biệt người và ta, tâm tà hư vọng trần lao khác nhau tức là có cảnh núi Tu-di và biển nước, có các phe nhóm rồng, quỷ, địa ngục v.v... nay hiểu rõ ý chỉ của Đại Sư là chỉ hay tâm tịnh thì chỗ nào cũng đều tịnh. Thật ra nghĩa không khác gì với việc ở pháp hội Duy-ma, Đức Phật lấy chân bắm đất biến như thành sạch, tất cả chúng hội đều tự thấy mình đang ngồi trên tòa sen báu nghĩa thật không hai. Đây là kinh này ý nói tùy mình tâm tịnh thì Phật độ liền tịnh, lời nói này thật đã sáng tỏ. Lời biện luận của Đại sư kia đâu chẳng khen ngợi tâm Phật rất phù hợp với ý kinh. Chỉ có Thánh nhân nói pháp giá và biểu không đồng. Có vị lại chưa diễn đạt hết, chớ nên dẫn pháp giá đó mà tự dối lừa hướng lại là cả một tạng đại giáo điển. Hoặc có khi nói pháp giá tất cả đều quấy, thì là tất cả phải cầu vãng sinh. Hoặc có khi nói pháp biểu tất cả đều phải cầu vãng sinh. Hai cách nói này đều chính miệng Phật nói ra, nghĩa không hề sai khác. Đâu có thể chỉ riêng chấp lời nói về pháp giá mà liền vội vã bỏ đi cái nghĩa cầu vãng sinh của pháp biểu. Nếu ngay ở quả mà bảo cõi nước không cần phải bỏ như lấy sạch mà chỉ cốt tịnh tâm mình thì Đại sư cũng sẽ bảo chỉ nên tịnh tâm mà thôi, bất tất phải khiến người đoạn dứt các nghiệp ác mà tu các hạnh thiện. Nay đã khiến người dứt ác tu thiện thì tất là đối với cõi nước cái nghĩa bỏ như lấy sạch càng sáng tỏ. Cho nên khi Phật nói pháp giá là cốt muốn hiển bày cái pháp biểu khiến cầu vãng sinh, khi nói pháp biểu, chính là căn cứ vào pháp giá mà biết không sinh, cho nên biết Ngài Tào Khê khiến người đối với tâm làm nhân trước phải tịnh thì báo cảnh sẽ tự tịnh mà không khiến phải cầu sinh đó là pháp giá

vậy. Còn Ngài Lô Sơn khiến người nhập vào báo cảnh tịnh của Phật thì tâm là nhân phải tự tịnh nên dạy phải cầu sinh đó là pháp biểu. Song Phật và Tổ khi nói pháp thì nhân quả không hai, không trước không sau, hai nghĩa chưa từng trái nhau. Tuy khiến người có chỗ vào không đồng nhưng pháp thể vẫn là một. Vì sao người thời nay vừa nghe lời nói về pháp giá liền bảo là đúng và vội cho lời nói của pháp biểu là sai, rồi tự sinh ra chứng lui sụt. Thật đáng thương thay, mà không biết rằng Đại Sư nói pháp giá “không cần cầu sinh” chính là vì hiển bày pháp biểu khiến phải cầu sinh Tịnh độ vậy. Lại như đức Thế Tôn cả một đời Thánh giáo trải nói rất nhiều bộ kinh nhưng đều là một vị, nhưng đối với pháp hiển thuyết thì nhất định luôn khen ngợi sự nói thẳng rõ ràng, còn đối với nghĩa mật thuyết thì riêng rẽ nêu mật thuyết. Tùy các tông các bộ mà đặt ra biệt đàm, song há là Đức Phật ở đây không có biệt đàm kỳ diệu ư? Bởi vì muốn ứng hợp căn cơ khiến chúng hội phải vâng làm với ý chí không chút do dự. Nay ở cuối thời tượng pháp hộ trì tông giáo đâu không có chê bỏ hay khen ngợi. Đức Lục tổ vì muốn rộng truyền Nhất hạnh Tam-muội nên lý phải dẹp hết các thừa, còn Ngài Lô Sơn vì đặc biệt muốn phát huy niệm Phật Tam-muội nên khiến cắt đứt vượt ngang gồm nhiếp mọi căn cơ. Kẻ hậu học chớ nên lầm sinh hai cái thấy mà phải cân nhắc suy xét kỹ lưỡng.

Lại bảo người ở Đông phương, Tây phương hễ tâm tịnh thì không tội, tâm không tịnh thì có tội, chính là bảo ở Đông phương cảnh ác thô mạnh, Phật đã diệt độ rồi thì tâm càng khó tịnh. Cũng như kẻ tục ở tại gia nhà lửa muôn việc kéo níu nung nấu, dầu có tu cũng mất, khác nào cục đá nhỏ cho vào nước liền chìm, cho nên cần phải cầu sinh Tây phương. Ở đây Di-đà, Thánh chúng đều hiện tiền đầy đủ, cảnh đẹp hạnh sâu, đưa con đi hoang đã trở về, Đức Phật thân thiết dạy khuyên bổ ích. Còn như người xuất gia ở chùa, thiện duyên đầy đủ, quyết không còn thói chuyển, cho nên sinh vào cõi nước ấy thì tâm tịnh không tội, khác nào cục đá to mà được chở trên thuyền thì vào nước không chìm. Lại Đông phương, Tây phương thì lý vốn một thể. Cõi nước Phật ấy không phải chỉ cảnh đẹp, Đức Phật luôn hiện tiền nên hay phá trừ tội lỗi, tâm tất phải thanh tịnh, có thể bước lên Thánh địa, cho nên phải lánh xa ngay cõi Ta-bà mà cầu vãng sinh. Nếu là bậc có căn địa cao quý như Tào Khê Lục tổ còn hay dẫn thân vào biển khơi sinh tử tầm khinh cứu khổ, giáo hóa chúng sinh thì đâu cần phải cầu sinh. Còn như các kẻ đạo lực chưa đủ, vọng bắt chước theo bậc tiên giác, tự mình không cầu sinh lại khuyên người cũng không cầu sinh, khác nào cứu vớt kẻ chết đuối mà

không thuyên bè, cả hai cùng chết biết làm sao đây.

Lại Đại sư ta thật sự là Lục tổ hồng truyền Thiền tông, nhưng trong lời giảng dạy của Ngài đâu phải chỉ trình bày xiển dương về thiền Thiếu thất, nên Ngài có nói: “Tâm bình thì đâu cần gì cực nhọc trì giới, hạnh thẳng thì cần gì phải tu Thiền.” Nếu căn cứ vào lời nói ấy rồi bảo không cần phải trì giới tu Thiền mà không biết ý Ngài bảo tâm đã bình thì ta đối với vật không còn bất bình, vật và ta đã bình thì đâu có thể giết thú vật khác để tự nuôi sống, cướp trộm của người khác để làm lợi mình, phân biệt trai gái để làm hạnh phi pháp, nói lời không chân thật lại hay uống rượu khiến say sưa li bì thì tâm bình đâu không thấy mà có tướng phạm giới này thì tất cả giới đều có đủ trong ấy. Há hoàn toàn không giữ giới lại cướp của giết hại v.v... mà bảo là tâm bình được sao? Thế mới biết lời nói “tâm bình cần gì nhọc công trì giới” chính là nói về sự to lớn của giới hạnh vậy.

Thiền là tiếng Phạm, dịch là Tịnh lực hoặc dịch là chánh định hoặc dịch là Nhất hạnh Tam-muội. Há có người nào đức hạnh chánh trực mà tâm lại lãng xãng không tịnh, còn trụ vào định mà không chánh thì hạnh đó có chỗ bất nhất. Thế nên biết lời nói đâu cần dụng công tu Thiền chính là nói về sự sâu sa của thiền định.

Đại sư có đức hạnh biểu tượng vượt hơn hàng trời người, đạo hưng thịnh nhất ở thời tượng pháp sợ kẻ hậu học chấp pháp dính mắc ở Tích nên đối với giới thể thì nói câu “đâu cần nhọc công trì giới” đối với Thiền cảnh thì nói câu “cần gì phải tu Thiền”. Do đây mà ta lại biết là đối với pháp phải cầu vãng sinh Tịnh độ nên nói câu “cần gì phải cầu vãng sinh” vậy. Kẻ hậu học còn dính mắc ở Tích bảo rằng “thật không nên cầu vãng sinh” thật là ngu quá lắm. Bởi lời nói của đại Sư là “khuyên ngược” lời giảng của các tổ là “khen xuôi”. Không phải “xuôi” thì không dùng để mở ra con đường tiến tu, không phải “ngược” thì không hiển bày cái tu viên đốn. Khuyên ngược khen xuôi đều là pháp không có thực mà chỉ dùng để ứng hợp với căn cơ lúc ấy. Cũng như nói “gặp Phật giết Phật” đâu phải là thật giết Phật? Nếu lời nói giết Phật là thật thì Văn-thù múa kiếm cũng thật là giết Phật ư? Dẫu có tuân theo lời cổ nhân mà không hiểu thấu lòng cổ nhân lại bảo thật đúng là “bất tất phải cầu vãng sinh” thì chính là chỗ nói “chất đề hồ vị ngon là vật quý bổ trên đời mà gặp hạng người này thì cũng biến thành thuốc độc”. Thế nên Đại sư gọi đó là lý tam đế viên diệu, đối với có vãng sinh mà nói là không vãng sinh, đối với không tu chứng mà bảo là tu chứng, hai bên không được mà trung đạo cũng không còn, khiến

giáo thừa pháp môn viên đốn thân nhiên mà sáng tỏ rõ ràng. Như giờ cao mặt trăng mặt trời ở chốn tối tăm thì không đâu là không được soi sáng, mà lại bảo rằng Thiền tông đối với niệm Phật Tam-muội là yếu chỉ hướng về cõi Tịnh độ vẫn còn có chỗ chưa cùng tột được sao?

Phàm như ở Hà tây có Đạo Xước, Trường An có Thiện Đạo, Tín Nguyên thiền sư, Trí Giác, Từ Giác đâu không phải là những bậc kế thừa đều xa nhờ tiếng xưa để lại mà cố sức hoằng đạo. Còn các Ngài Đạo Trân, Hoài Ngọc phô bày hạnh nghiệp viên chiếu các sự việc linh nghiệm sáng rõ. Huống là ngày nay chốn Thiền lâm tụng niệm cho các bệnh tăng và niệm danh hiệu Phật mười niệm trong lễ trà-tỳ để cầu vãng sinh, các việc đã được ghi đầy sách vở, thói quen phong tục hãy còn, càng chẳng lầm vậy.

4. Nói rõ về tuệ quán tâm Phật.

Vả chẳng niệm Phật Tam-muội thật là con đường tắt giúp tất cả quần sinh vượt thoát ba cõi, sinh lên chốn Cực lạc. Pháp môn này đầu tiên được nói ra ở núi Linh Thứu, tiếp sau nối nghiệp ở Lô Sơn, cả mười phương đều khen ngợi, các Tổ gìn giữ truyền trao nối tiếp nhau từ xưa cho đến nay, chỉ tiếc là các thuyết khá nhiều khiến kẻ hậu học không nắm được quy chỉ. Riêng phái Thiên Thai có pháp môn Tam quán thì lý bao trùm các kinh, hơn hẳn các thuyết, bảm thọ được ý chỉ của kinh giáo thì ích lợi khó nghĩ bàn cho nên kẻ hậu học không thể không lấy đây làm thuyên bề.

Về Tam quán là một niệm tức không, tức giả, tức trung. Từ khi Đức Như Lai của ta nhắc lại cho đến các bậc trí giả được diệu ngộ, gọi đó là không thì tất cả đều không, giả thì tất cả đều giả, trung thì tất cả đều trung, cùng phá cùng lập, cùng không phải phá lập, viên dung dứt hết đối đãi, khó nghĩ khó bàn. Thống lãnh huyền môn các bộ, thấu suốt trí cảnh của Phật và chúng sinh, cùng tột cõi nguồn của muôn pháp, hiển bày sự viên tu Tịnh độ. Nếu niệm Phật Tam-muội mà không có pháp môn này thì tất là chưa đạt đến chỗ tận cùng.

Ngài Tứ Minh Đại sư phát huy ý chỉ nhiệm mầu để dắt dẫn kẻ hậu học, hiện nay đều dùng lời nói này mà cầu sinh Tịnh độ. Tuy không ngoài các điều thiện nhỏ nhặt ở thế gian và các việc nghĩ tưởng, nhưng nếu không dùng pháp môn Tam quán Đại thừa tròn đầy mầu nhiệm để giải thích ý chỉ sâu xa của kinh Thập lục quán khiến người hiểu rõ mà bắt đầu thực hành thì không do đâu mà vãng sinh được. Phép quán là:

Trước tiên quán mặt trời lặn: Sở dĩ trước phải đưa cái tưởng là hướng về cõi Phật kia. Người tu hành sơ tâm tuy hiểu căn trần đều là

pháp giới, nhưng tâm tưởng yếu kém, thắng cảnh khó hiện, thế nên Như Lai đặt ra các phương tiện khác tức lặn mặt trời lặn làm cảnh, tưởng ra mặt trời trong khi quán. Người vẹn toàn hiểu biết kỳ diệu thì biết rõ rằng năng tưởng vốn đầy đủ tất cả pháp y chánh. Nay lấy tâm đầy đủ mặt trời mà duyên với mặt trời tức tâm khiến mặt trời bỗng tánh hiện rõ trước mắt. Đây bèn lấy tâm pháp giới duyên với cảnh pháp giới mà khởi lên mặt trời pháp giới. Tất cả đều là pháp giới thì đâu không là tức không, giả, trung, đây là trình bày tổng quát. Nếu luận riêng về công của mặt trời thành tam quán, vì căn cảnh không tịch nên mặt trời tâm vô ngại. Vì duyên khởi mà giả lập, cho nên mặt trời nhiều tướng sinh ra vì tâm mặt trời ấy đều là pháp giới, cho nên đương thể sẽ hiện bày. Quán mặt trời đã thành thì cả ba quán đồng ở một tâm, không phải một không phải ba mà một mà ba, không thể nghĩ bàn. Quán mặt trời đã thế thì quán các thứ khác cũng thế. Nên biết tất cả mười sáu thứ đều dùng không, giả, trung một tâm ba quán để làm pháp của tướng tướng.

Kế đến là quán nước trong, lại tướng thành băng. Bởi vì ở cõi Tịnh độ thì lưu ly làm đất, đất này khó tưởng nên khiến phải tướng băng, tướng băng đã thành thì đất báu ở cõi ấy sẽ dễ thấy. Như trên thì việc quán mặt trời lặn và quán băng là để làm phương tiện.

Sau đó quán đất đai, cây cối, ao hồ, rồi quán chung cả về lâu đài, đất đai, ao hồ v.v... từ trên là sáu quán đều dùng để quán y báo ở cõi ấy. Rồi quán đến tòa hoa sen là chỗ đứng, ngòi của ba Thánh. Quán bảo tượng, phân biệt rõ hình tướng của ba Thánh. Muốn quán Phật thì trước phải quán tòa ngòi, vì Phật thiết khó quán nên trước phải quán hình tượng cho đến khắp quán vãng sinh, quán xen cả Phật và Bồ-tát v.v... Bảy quán đều là để quán chánh báo ở cõi này. Cả ba quán sau là nói rõ người thuộc ba bậc chín phẩm từ cõi này sinh lên cõi ấy là do nhân tu không đồng nên cảm được quả cao thấp khác nhau. Nay cũng quán là khiến người tu biết rõ ba phẩm hơn kém mà bỏ các bậc trung hạ, cố gắng tu tập để được vãng sinh lên thượng phẩm. Song các quán đều căn cứ theo các tướng được chỉ bày trong kinh nói, nhớ giữ trong tâm làm cảnh sở quán, vẫn là hiểu rõ tự tâm đầy đủ các pháp này, nhờ cảnh để tướng thành là để tâm phát sáng tâm mình. Lại tên kinh là Phật thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật kinh, thì Phật chính là thắng cảnh được quán, vì nêu chánh báo để gồm thâu y quả. Nói về hóa chủ mà gồm chỉ cả đồ chúng, cho nên tuy có phép quán mà quán Phật là gồm khắp, nên chỉ nói quán Phật ấy thôi. Muốn quán Phật ấy thì trước phải quán sắc thân Phật ấy to rộng như hư không đoan nghiêm vi diệu. Mỗi phần trên thân

đều đủ tám vạn bốn ngàn tướng, trong mỗi tướng đủ tám vạn bốn ngàn vẻ đẹp mỗi vẻ đẹp đủ tám vạn bốn ngàn ánh sáng, mỗi ánh sáng có mỗi mỗi thế giới hải, trong thế giới hải có tất cả mười phương chư Phật, Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác, tăng chúng mỗi mỗi đều rộng lớn vì diệu không thể kể xiết. Chỉ nên nhớ tưởng khiến tận mắt thấy tâm. Nhìn thấy các việc đó tức là thấy được mười phương chư Phật, vì nhìn thấy được chư Phật nên gọi là niệm Phật Tam-muội. Thật hành quán này thì gọi là quán tất cả thân Phật, vì quán thân Phật nên cũng thấy được tâm Phật. Tâm Phật là đại Từ bi, lấy vô duyên từ mà nhiếp độ chúng sinh. Người tu quán này khi bỏ báo thân này thì sẽ sinh ra trước chư Phật, được vô sinh nhẫn.

Lại nói quán Phật Vô Lượng Thọ là từ một tướng đẹp mà vào, tức chỉ quán sợi lông trắng ở giữa chặn mày khiến rất sáng rõ rõ ràng. Thấy lông trắng ở chặn mày có đủ tám vạn bốn ngàn vẻ đẹp tự nhiên hiện ra. Nhìn thấy Đức Phật Vô Lượng Thọ tức là nhìn thấy mười phương vô lượng chư Phật, vì thấy được vô lượng chư Phật nên chư Phật hiện ra thọ ký. Ấy là khắp quán tất cả tướng sắc thân, cho nên biết mười sáu diệu quán này thì quán thân Phật là cốt yếu. Cả tám vạn tướng đẹp đều tướng khó thành nên bảo chỉ quán tướng lông trắng giữa chặn mày to như năm núi Tu-di. Nếu tướng này đã thành thì tám vạn tướng đẹp đều hiện rõ. Đây là yếu môn vậy. Nếu đã tu các quán trước thì tâm được lạnh lợi, các quán đã rộng lớn sâu chắc thì có thể xứng với lượng sợi lông giữa chặn mày mà quán, khiến cho cả tám vạn tướng đẹp tự nhiên đều hiện. Trong lời sơ khiến kẻ quán yếu kém về tướng lông chặn mày chính là vì kẻ chưa tu các quán trước và kẻ có tu quán mà chưa thành. Cho nên đối với việc tu quán thân Phật là tướng đáng quán của kẻ mới phát tâm vì đó là cửa vào Tam-muội vậy.

Lại Ngài Từ Vân pháp Sư bảo là chỉ nên tưởng thẳng kim thân Đức Phật A-di-đà một trượng sáu đang ngồi trên tòa sen, chuyên chú vào một tướng lông trắng giữa chặn mày, lông này dài một trượng rưỡi, chu vi là năm tấc, vòng ngoài tám cạnh, bên trong rỗng không, soán về phía tay mặt, ở giữa chặn mày sáng sạch trong suốt không thể kể xiết, kim nhan sáng chói, đường nét rõ ràng. Khi thật hành quán này nên chuyên tâm chú tưởng bền chắc vào một chỗ không dời. Nếu tướng này thành thì Tam-muội liền hiện tiền. Thế nên kinh Quán Phật Tam-muội có nói: “Nếu người chí tâm cột niệm, ngồi ngay quán niệm sắc thân, phải biết tâm mình như tâm Phật, cùng Phật không khác. Tuy ở giữa cảnh trần lao mà không bị các bụi trần che lấp nên tu quán này chính là

thật sự niệm Phật. Thế nên biết công đức quán Phật việc như thế. Lại tướng đẹp đẽ sáng suốt to lớn vi diệu của Đức Thế Tôn kia, các chúng sinh hẹp hòi yếu kém tướng niệm khó thành. Nên Phật khiến trước khi quán thân Phật cần nên quán hình tượng. Phật tất phải ngồi trên tòa, nên trước phải quán tòa. Khi quán tòa ngồi đã thành rồi thì tiếp đó quán hình tượng. Kinh nói rằng: “Chư Phật Như Lai là thân pháp giới, nhập vào tâm tướng của tất cả chúng sinh, thế nên tâm của ông khi tưởng Phật thì tâm đó tức là ba mươi hai tướng, là tám mươi vẻ đẹp, tâm đó làm Phật, tâm đó là Phật. Chư Phật là Chánh biến tri hải, từ tâm tướng mà sinh ra. Thế nên cần phải nhất tâm quán chắc vào Đức Phật ấy. Về thân pháp tánh của báo thân Phật. Đây đủ thỉ giác gọi là Báo Phật tốt bày bốn giác gọi là thân pháp tánh, thỉ bốn ngâm thông nhau hay khởi ứng dụng. Song không phải chúng sinh năng cảm thì chư Phật cũng há năng ứng sao. Năng cảm như nước, năng ứng như mặt trời, thế nên thỉ giác hợp với bốn giác cũng như mặt trăng đang rực sáng trên khoảng không. Khi nhập vào tướng tịnh như bóng mặt trăng hiện khắp trăm sông. Có cảm có ứng, hai đạo này giao nhau, đó là nghĩa nhập vào tâm tướng chúng sinh vậy.

Lại thân pháp giới tức là thân Phật không có nơi nào không biến khắp nên lấy pháp giới làm thể. Nếu hay được cái quán Phật Tam-muội này thì tâm quán giải sẽ khế nhập vào Phật thể, Phật thể nhập vào tâm quán giải. Đây chính là thỉ giác giải bốn giác, thế nên bốn giác nhập vào thỉ giác. Có giải có nhập, hai thứ này tương ứng, đó là nhập vào tâm tướng chúng sinh vậy. Phải biết tâm quán hiện nay không phải là ngay ở ấm tâm mà quán bốn tánh Phật đó là nhờ Phật khác để hiển sáng bốn tánh. Thế nên trước nói Ứng Phật nhập vào tâm tướng của ta, sau mới nói thân Phật toàn là bốn giác, cho nên Ứng Phật hiển rõ biết bốn tánh sáng suốt nghĩa nhờ bên ngoài được thành, quán duy tâm được lập. Cả hai nghĩa đều thành tức là pháp quán này vậy.

Lại trong kinh nói tâm đó làm Phật, tâm đó là Phật. Do đó chỉ rõ quán Phật hiện nay phải biết rõ tu và tánh không có hai ý chỉ. Nói làm Phật thì có hai nghĩa: Một là tâm tịnh thì hay cảm được ứng Phật ở phương khác. Nghĩa là pháp thân chư Phật vốn không có sắc tướng, do chúng sinh tâm tịnh nương vào nghiệp thức mà huân pháp thân Phật nên hay thấy được sắc tướng cao quý của Ứng Phật. Hai là, Tam-muội hay thành quả Phật của mình, nghĩa là chúng sinh dùng tịnh tâm mà tưởng, thành tựu được quán Phật Tam-muội nên hay khiến chính mình trọn thành quả Phật. Hai nghĩa này trước là nói làm Phật khác, sau nói làm

Phật mình. Phải biết rằng quả Phật là từ chứng mà có chứ không phải là tự nhiên mà được, tức “là” mà “làm”, toàn tánh thành tu hiển rõ chẳng phải tánh đức tự nhiên là Phật.

Nói là Phật cũng có hai nghĩa: Một là tâm tức là Ứng Phật. Trước nói Phật vốn không hình tướng vì tâm cảm nên có thì tâm Phật có và không khác nhau rõ ràng, nay mắt cái thấy này cho nên chính tâm chúng sinh liền hoàn toàn là Ứng Phật, do lìa ngoài cái tâm này lại không có Phật nào khác. Hai là tâm tức là quả Phật. Vì tâm đã là quả Phật cho nên biết không có cái nhân thành Phật. Vì trong tâm chúng sinh đã luôn có Đức Như Lai ngồi kiết già ở đấy, há phải đợi ở vị lai mới thành quả Phật. Hai nghĩa này nghĩa trước là Ứng Phật, nghĩa sau là quả Phật. Phải biết quả Phật vốn đã đầy đủ, không phải từ duyên mà thành, tức “làm” mà “là”, toàn tu mà thành tánh, hiển rõ không phải do nhân duyên tu đức mà thành Phật. Nếu lấy “làm, là” hiển rõ ba quán thì không phá, giả lập đều gọi là làm. Đó tức là quán nhị biên. Còn không phá không lập thì gọi là “là”, là quán Trung đạo. Toàn “là” mà “làm” thì ba đế cùng phá cùng lập. Toàn “làm” mà “là” thì ba đế cùng không phải phá lập, tức không, giả của trung mà gọi là “làm” thì hay phá được ba hoặc, lập ra ba pháp, cho nên cảm được ba thân viên ứng của Phật khác, hay thành được cái quả ba thân ở trong tâm ta. Tức trung của không giả mà gọi là “là” thì toàn là thể hoặc tức là trí, toàn thể chướng tức là đức, cho nên tâm là Ứng Phật, tâm là quả Phật, cho nên biết hai nghĩa “làm” và “là” mà một tâm tu hành, chính ba quán không thể nghĩ bàn là tổng thể của mười sáu quán, diệu tông của một kinh vậy. Văn từ đó mà ra, nghĩa khắp trước sau. Thế nên người tu phải dùng ý này mà tu nhân Tịnh độ.

Có kẻ hỏi sao không dựa vào các điều kinh nói chỉ lấy tướng sự sinh thẳng về Tịnh độ, lại bày ra môn Tuệ quán khiến kẻ mới tu khó vào?

Đáp: Nói tuệ quán hay tướng sự cho đến việc thiện nhỏ nhoi của người chỉ cần được nhất tâm là có thể sinh về Tịnh độ, chỉ có điều là thô, diệu không đồng thời. Thô thì chỉ là tướng sự, diệu thời chuyên nơi quán tâm.

Lời sơ nói: Bởi vì viên giải hoàn toàn khác xa Tiểu thừa. Tiểu thừa mê muội duy tâm, Phật từ ngoài tâm mà có, cho nên thể của tâm Phật ấy không đồng. Người tu Đại thừa đều biết một tâm ta đều đủ tánh chư Phật, nhờ cảnh để tu quán, tướng Phật liền hiện bày. Nay quán Di-đà lấy y chánh làm duyên để hun đúc tâm tánh. Tâm tánh có đủ cả y chánh Cực lạc, do hun đúc mà phát sinh, tâm đủ mà sinh há lìa tâm tánh.

Toàn tâm là Phật, toàn Phật là tâm. Trọn ngày quán tâm trọn ngày quán Phật, ý chỉ ấy rất rõ ràng vậy.

Lại nên hiểu biết pháp giới viên dung, thể nó khó nghĩ bàn, làm cái tâm một niệm của ta cũng lại nêu cái thể làm chúng sinh, làm Phật, làm y, làm chánh, làm căn, làm cảnh, một tâm, một hạt bụi... cho đến một hạt cực vi đều là toàn thể pháp giới mà làm, vì mỗi một pháp thì toàn pháp giới đều làm cho nên nêu ra một là viên dung toàn phần pháp giới. Đã toàn pháp giới thì còn có một vật nào không đủ các pháp vì tất cả pháp mỗi mỗi đều đầy đủ tất cả pháp. Thế nên nay ta lập ra những nghĩa duy sắc, duy hương v.v...

Lại nói rằng Tỳ-lô-giá-na biến khắp tất cả chỗ, tất cả các pháp đều là Phật pháp. Đó là ông Phật tánh đức của chúng sinh, không phải mình, không phải người, không phải nhân, không phải quả, tức là cái thể đại giác viên thường. Cho nên biết cái thể quả Phật tròn sáng tức là tánh đức sẵn đủ của hàng phàm phu ta, cho nên bốn Tam-muội gọi chung là niệm Phật. Nếu như cái quán môn này mượn cảnh y chánh ở cõi An dưỡng kia dùng quán vi diệu chuyên từ Phật hiện bày cái thể chân Phật. Tuy mượn nhờ cảnh ấy mà phải biết y chánh đều cùng ở một tâm. Tâm tánh cùng khắp, không pháp nào mà không tạo ra, không pháp nào không đầy đủ. Nếu có thấy mảy may pháp nào từ ngoài tâm sinh ra thì không gọi là quán Đại thừa được.

Lại kinh Nhân Vương Bát-nhã nói Phật hỏi vua Ba-tư-nặc: “Ngài dùng tướng nào mà quán Như Lai?” Vua thưa: “Con quán thân Thất tướng, quán Phật cũng thế, không có mé trước, mé giữa, mé sau, không trụ ở ba mé, mà không lìa ba mé, không trụ ở năm uẩn, mà không lìa năm uẩn, không trụ ở bốn đại mà không lìa bốn đại, không trụ ở sáu xứ mà không lìa sáu xứ, không trụ ở ba cõi mà không lìa ba cõi. Cho đến không phải thấy nghe hiểu biết vì nói năng bật dứt, tâm hành xứ diệt, ngôn ngữ đạo đoạn, đồng với chân tế, ngang bằng pháp tánh. Con lấy tướng này mà quán thân Phật Như Lai.” Phật bảo: “Nên như thế mà quán, quán khác đi tức là tà quán”, nghĩa này thật càng sáng tỏ.

Lại hỏi: Nếu thế, tại sao không quán thẳng cái vẻ đẹp nhiệm mầu của chân thân ở cõi ấy, mà kinh này lại dạy người phải trước quán hình tướng?

Đáp: Đức giáo chủ cõi Ta-bà khen ngợi cảnh Cực lạc là cốt dất dẫn chúng sinh lìa khỏi ngũ trước, dạy ta quán pháp thân của Đức Phật ở cách xa sáu mươi vạn ức na-do-tha do-tuần, mà trước phải quán tượng báo ở trên đài hoa là vì đặt ra phương tiện, khiến quán thô mà thấu

diệu. Kế đến lấy hình tượng cao một trượng sáu, một trượng tám, là tùy thuận kẻ phàm phu thấp kém, khiến quán nhỏ mà thấy lớn. Bởi vì tướng thô diệu khác nhau thì đều từ tánh mà khởi tu, lớn nhỏ khác hình đều từ bổn mà đến tích. Cái tánh năng quán đầu tiên không khác thì cảnh sở quán đâu thể so lường, cho nên nói viên đốn một tiếng khắp đủ, về khai thị thì có thứ lớp mà không phải dần dần, tùy thuận theo căn khí mà không thiên lệch, cùng mở quán môn, toàn bày Thật tướng. Nguồn gốc của hình tượng và lời dạy chẳng phải từ đây sao! Đây là ý chỉ thẳng tắt của niệm Phật Tam-muội, luận bàn trước sau không hai, là đạo Đại thừa viên đốn, như mặt trăng mặt trời cùng khắp soi thiên hạ đời sau, khiến họ biết tâm chân vọng, tức một mà không đồng, mà lý có chỗ đạt tới vậy. Đó gọi là không lìa nhật dụng, giải hạnh, quán tuệ thấy đều đầy đủ. Người tu học há chẳng cố gắng hết lòng ư.

5. Chánh quán đạo tràng, tôn tượng, niệm Phật.

Về quán tuệ Tam-muội phải lấy ý chỉ quán tuệ này mà quán y chánh ở cõi Cực lạc kia khiến tâm này thuần thực, lý tâm và cảnh là một mà vắng sinh thẳng đến cõi ấy.

Đạo tràng chánh quán, tức là người ấy đã đạt được ý chỉ của quán tuệ nhưng việc đối đãi của lục căn hãy còn lưu lại trần cảnh, hoặc là có lui sụt, cho nên đối với đạo tràng, Thánh tượng cho đến các vật cúng dường trang nghiêm như y chánh ở cõi Cực lạc đều đồng một thể mà quán. Người tu hành tuy chưa lìa cõi Ta-bà nhưng vì tâm quán này làm một nên như đã sinh về cõi Tịnh độ rồi vậy, do vậy lúc mạng chung đều được cảm ứng. Vả như người tu hành làm việc sám hối, cúng thờ trang nghiêm đạo tràng thanh tịnh cho đến chỉ một hương một hoa thì đâu chẳng tức là lý ba đế kia. Nếu không dùng đế lý này mà trong mọi sự đều chánh niệm quán sát khiến hạnh cao quý kia có chỗ nương về thì đối với đạo Viên đốn Đại thừa không thể mở bày sáng tỏ. Như ở cõi Phật kia có vô lượng tất cả đồ vật trang nghiêm đều do kẻ mới tu hạnh Bồ-tát ở cõi ấy lúc tu nhân mà cảm nên hạnh, nhân hạnh đã lập thì quả độ liền hiện tiền, cho nên các vật trang nghiêm đẹp đẽ vô tận. Nay chúng ta quán quả biết nhân thì biết Tam-muội và đạo tràng mỗi mỗi đều trang nghiêm cùng với nhân quả cõi Cực lạc kia không hai, đâu chẳng phải là mỗi mỗi đều thành đại Tam-muội hiển bày các pháp môn viên dung vi diệu như cõi Cực lạc v.v... không sai khác, cũng tức từ đủ các vật trang nghiêm ấy làm thân tướng đẹp đẽ. Cúng thờ thân tướng không kia không đây, không một không nhiều, chánh y cùng dung nhau hiển bày lý pháp giới như các cõi nước chư Phật khó thể nghĩ bàn, há

có thể xem là cây đất tạo nên cảnh ấy ư? Cho nên biết hoặc cảnh hoặc tâm, hoặc thân hoặc cõi đều đồng một thọ dụng tự tại vô ngại.

Kinh nói rằng do các Ba-la-mật mà sinh tất cả lọng báu, đối với tất cả cảnh mà hiểu biết thanh tịnh thì sinh ra màn hoa, do vô sinh pháp nhãn thì sinh ra tất cả y phục, tâm nhập vào pháp kim cương vô ngại thì sinh ra các lưới chuông, tâm hiểu tất cả pháp là như huyền thì sinh ra mùi hương bền bỉ. Tâm là tòa ngời của Như Lai cùng khắp các cảnh giới Phật thì sinh ra tất cả các tòa ngời báu đẹp, tâm cúng dường chư Phật không lười trễ thì sinh ra tất cả cờ xí, tràng phan báu, tâm hiểu các pháp như mộng mà hoan hỷ thì sinh ra tất cả cung điện báu nơi ở của Phật, không vướng mắc thiện căn thì sinh ra tất cả mây hoa sen báu v.v... lấy đó mà quán thì biết cảnh y chánh Cực lạc do Di-đà Như Lai đã hoàn thành các nhân hạnh nên nay chiêu cảm được các quả ấy. Đạo tràng này của ta đã là nhân sinh vào Tịnh độ ấy, nhân hơn kém tuy không đồng hoặc nhiều như nước biển cả hoặc ít như vài giọt nhưng chất vị há chẳng đồng một thể ư. Nhân nghĩa ấy, trong đạo tràng, lục căn đối với hương hoa, đèn đuốc, lọng báu, phướn đẹp, tất cả các vật cúng dường cho đến y phục, ngọa cụ, ăn uống, thuốc men, các vật dùng hằng ngày dù một sắc, một hương cho đến một hạt bụi cực vi không gì không phải là Tam-muội, không gì không phải là pháp môn, đều có thể khiến người phát sinh hiểu biết kỳ diệu, ngộ tâm chứng Thánh. Tuy chưa nghe tiếng cũng hay biểu hiện các đại pháp môn như niệm Phật Tam-muội, tức cũng là tất cả thân chúng sinh và Phật, cảnh, trí vô ngại, cũng hay cùng ta đồng hạnh, làm pháp lữ thật sự. Người tu hành dám coi thường khiến không phát ra diệu ngộ mà đều có thể sinh vào cõi ấy được ư?

Kinh nói rằng thiền định luôn giữ tâm vào một duyên, trí huệ hiểu rõ cảnh đồng với Tam-muội nghĩa cũng như thế. Nếu hay thật hành quán này thì căn cảnh đồng một, đâu chỉ có Tam nghiệp của ta mới là hay tu. Lại như địa ngục đủ mọi khổ hình, đao, gậy, kiếm lửa vì người ấy trước đã tạo các ác nhân nên khiến như thế, mọi thứ động đập đều là rấn rít chó dừ, làm sâu bọ chim chóc chui vào xương, rút vào tuỷ gây nên các đau đớn khổ não. Huống là các vật trang nghiêm ở giữa đạo tràng mà không phải là đồng nguồn với y chánh, đều là pháp giải thoát cùng ta đều thành Tam-muội ư? Lại các thứ trang nghiêm trong đạo tràng hình vật đều khác, còn có thể khiến người phát diệu giải, huống nay phụng thờ tôn tượng cung kính cúng dường, hết lòng hết chí như cha mẹ, há chẳng khiến ta giải thoát nhanh chóng sinh vào nước An dưỡng. Vả như tượng một Đức Phật và hai vị Bồ-tát đặt trong đạo tràng, làm đích để

nhắm vào đó mà sám hối là chủ, các tượng khác là bạn, gọi chung là chánh, còn các vật trang nghiêm đều gọi là y, chủ bạn, y chánh cùng với y chánh ở cõi Cực lạc kia thô diệu không đồng. Nhưng cái tượng chủ ấy có bao nhiêu thần thông nguyện lực đồng với chân thân Phật, vái lạy thì linh, cầu xin liền ứng, có gì sai khác. Đã không sai khác thì đối với hình tượng này đâu có thể chỉ xem như gỗ đất keo sơn sắc vàng tạo nên, mà không quán là chân thân tướng hảo đại nguyện của Phật ở Tây phương Cực lạc ư? Nếu đối với lượng mà không thấy chân thân thì tâm ấy không phải chuyên nhất, Tam-muội khó thành, diệu ngộ không sâu chắc, lỗi lầm lắm vậy. Bởi nay đối với tượng mà thấy cùng với chân thân thật không hai, chỉ vì Phật ấy lòng đại Từ cùng khắp với thân không hai mà tùy cơ nghi ứng hiện, bày chân hiện hóa, hoặc hiện rõ hình tượng, mà ta vì nhãn chướng quá sâu, đối trong một pháp chỗ thấy riêng có khác, nên đối với chân thân Phật mà gọi là tượng vậy thôi, thì biết tượng này há là tượng thật. Ví như trong Quán kinh, Đức Phật tiếp dẫn ba bậc chín phẩm cũng tùy phẩm vị của họ mà khiến có hơn kém khác nhau không đồng. Cho nên biết việc ta thấy tượng thật cũng là cái thấy riêng của ta, đâu phải lòng Từ của Phật không khắp mà hiện ra với ta là tượng ư. Song dầu chỗ thấy không đồng mà Di-đà chỉ là một thể. Lại như kinh nói sám hối luôn thì nhãn chướng mỏng dần sẽ thấy được tòa ngồi, rồi sẽ thấy được một Phật, hai Phật. Khi chướng càng mỏng thì dần dần sẽ thấy Phật biến khắp cõi hư không. Lấy đó so đây nếu tâm ta sám nguyện cầu vãng sinh cùng lý tương ứng thì trước thấy tượng và hóa Phật, sau mới có thể thấy được chân thân Phật.

Lại như ở Hoa Nghiêm hội thượng thì thể Phật vốn một mà chúng đại Bồ-tát thì thấy Phật là thân Xá-na rộng lớn vô lượng trên mào trời trang nghiêm. Còn hàng Tam thừa thì thấy Phật là thân thầy Tỳ-kheo già giáng sinh từ vương cung. Bọn ta là phàm phu cho nên phải thấy thân Phật do gỗ đất tạo thành. Nếu không thế thì tại sao kinh Phổ Hiền quán lại nói chỉ sám hối tội của mắt mà được thấy Phật. Thế nên biết Phật vốn là một thể nhưng hoặc chân hay tượng thì thật ra là do người thấy có khác. Lại như chuyện xưa có người khắc gỗ làm mẹ, thân mẹ vốn là gỗ nhưng người con nhờ đó mà tìm mẹ mình, hoặc cung kính hoặc khen ngợi thì người mẹ gỗ cũng có sắc vui hoặc ôn hòa giống y như mẹ thật. Ở thế gian lòng hiếu cảm còn được thể hướng là Phật ta có vô lượng đại nguyện thần thông tức tượng chân thật không bằng người mẹ gỗ sao? Hướng xưa nay tạo tượng chứng cố linh nghiệm không phải một, hoặc phóng hào quang hoặc ứng hiện các điềm lành cho đến thân

ấy sinh cả xá-lợi, nước ngập lửa cháy không hề hư rã, có chép đầy trong các truyện ký không thể kể xiết. Thế thì tượng chủ trong đạo tràng chúng ta tức là sắc thân chân thật của Di-đà Như Lai, nhưng vì ta bị chướng nên gọi đó là tượng thôi. Dầu có gọi thẳng là tượng thì cũng có thể nhập vào tượng trước mà quán, từ tượng mà thấy chân thân, đâu chẳng hiển bày cái vi diệu của đồng thể. Kinh nói rằng thân Phật thanh tịnh biến khắp mọi nơi. Lại nói tất cả pháp đều là Phật pháp, sao chỉ riêng đối với tượng này không phải là Phật ư.

Có kẻ hỏi: Lìa tất cả tướng liền gọi là Phật, thân Phật còn không phải huống nữa tượng này cùng Phật đồng nhau ư?

Đáp: Nếu đối với tướng không phải Phật thì đâu chỉ là ở tượng mà dù cả báo thân Xá-na cũng không phải là Phật. Nếu tất cả không phải là Phật tức tất cả là Phật, đâu không phải là Phật ư. Nếu biết nghĩa này thì hiểu rằng ta nay kính thờ tôn tượng không lìa nguyện hải đầy đủ thần lực to lớn, hay nhiếp thọ, có đủ tất cả lực vô úy v.v... mười tám Bất cộng pháp, đại Từ đại Bi, thường-lạc-ngã-tịnh, tướng hảo quang minh cùng với chân thân của A-di-đà đều không sai khác. Ta ở trong đó mà sám hối các việc, phải như kẻ ăn mày hèn mọn lại được gần với bậc vua chúa, luôn e thẹn run rẩy, sợ thương gồm đủ, khao khát được nhiếp thọ, mong cầu thoát ly, huống lại đã trải bao kiếp khó gặp nay đã được gặp đâu thể coi thường, khiến hạnh cao quý không tiến triển tự gây chướng nạn ư? Lại mong cầu Phật ấy thương xót chúng ta rủ lòng hiện bày thân tượng, nhận sự sám hối của ta. Đã nhận ta sám hối rồi thì tất cả trọng tội nhất định đều tiêu hết, tất được vãng sinh Tịnh độ. Do đó tâm được mừng vui, bỗng như trời thênh thang, đất trong suốt, lại được pháp nhãn, thì cõi Cực lạc kia như được thấy tận mắt, cho nên biết việc nói chân thân và tượng là một đâu phải là điều chẳng thậm thâm kỳ diệu. Kẻ tu học cần phải hết sức chí thành chớ nên hiểu khác.

6. Bác bỏ tà thuyết đoạn không.

Một đời Thánh giáo của Đức Thích-ca Như Lai như quả báo thiện ác, các pháp nhân duyên là chánh giáo trước sau không hề đổi khác, dầu có một trăm câu vượt ngoài trăm lổ há phải lìa bỏ pháp nhân duyên ư? Làm sao mà thời nay lại có hạng Xiển-đề cực ác đoạn dứt thiện căn của người, không biết lời nói Phật tỏ lại vì người mà phá chấp trừ nghi, tháo gỡ vướng víu, dẹp trừ trói cột, đi ngược trở lại mọi người, vọng gọi là ngoài tâm này các hạnh đều không, không Phật, không pháp, không thiện, không ác, lầm nhận vọng thức là chân, rồi bảo ngoài tâm này không pháp nào có thể được. Bèn liền bác bỏ không có nhân quả,

bài xích tội phước, nói tất cả hình tượng Bồ-tát, chư Phật chỉ là các thứ vàng, bạc, đồng, sắt, khối đất, khúc gỗ. Cả một đại tạng giáo cũng chỉ là thứ vỏ cây, giấy cũ chùi đồ dơ, vốn không chân thật, đâu đủ để làm bằng cớ. Đối với tất cả công đức hạnh lành thấy đều mỗi mỗi quét bỏ, gọi đó cho là chấp tướng, một mực nói xấu người khác để khoe khoang tài giỏi của mình. Hoặc như còn tham thoại đầu mà lại bảo là không nên cố chấp, cố gắng khiến người trong ngoài trống không rỗng tuếch. Rồi lén làm các tội ác và dâm, nộ, si... lại gọi ngược là vô ngại đối với đạo, đối mình lừa người, tâm hồn mục nát lại cơ hồ chẳng hay biết. Ví như trùng trong thân sư tử tự ăn thịt sư tử. Những loại kiến giải trên rất nhiều. Đó chính là bọn ma Ba-tuần giận xưa chưa hết bèn sai những kẻ giả dạng hình dáng như bọn ta mà phá hoại đạo pháp của ta cho bằng hết, than ôi đau đớn lắm thay. Họ bảo rằng các hình tượng không phải là Phật thì không biết cái gì mới là Phật, còn giấy mực không phải kinh không biết cái gì mới là kinh. Nếu tự tâm là Phật thì vật nào không phải tâm, mà lại riêng gọi tôn tượng Thánh nhân không phải tâm không phải Phật. Lại tâm đã là Phật thì người nào không có tâm mà riêng bảo tâm ông là Phật khiến người bác tượng bác kinh. Không biết rằng tâm chúng sinh toàn thể ở trong mê tất phải mượn hình tượng kinh pháp Thánh nhân mà biểu hiện khiến người được ngộ giải. Nếu có ngộ giải thì biết được chân tâm của Phật và chúng sinh bình đẳng khắp cả mọi nơi. Kinh nói: Chư Phật nói pháp “không” là cốt để độ kẻ chỉ tin “có”. Nếu lại chấp vào không thì chư Phật không hóa độ được. Lại nói rằng thà có thể nói có như núi Tu-di mà không nên nói không dù chỉ bằng hạt cải. Dầu đã chứng pháp không mà vẫn còn vướng vào Tiểu thừa há có thể như hàng Đại thừa Bồ-tát từ không mà vào có, chứng tục giả ở cõi chúng sinh giống như Phật độ sinh vậy. Thế nên Tiểu thừa thấy “không” là cái bỏ đi của Bồ-tát Đại thừa, Phật nói pháp không là vì kẻ chưa hiểu nghĩa. Lại Phật nói pháp “không” bèn là tức “có” mà hiển bày “không”. Không chẳng lìa có mới được gọi là chân không. Nay người nói không là phải lìa có mới là không. Không đã trở thành “đoạn kiến” thì rất đáng sợ như sa vào bẫy hầm khó thể thoát ra. Ngài Vĩnh Gia nói bỏ có mà vướng vào không thì bệnh cũng thế, cũng như tránh chết chìm mà đắm đầu vào lửa đỏ, là nói việc này vậy. Thầy Tỳ-kheo Thiện Tinh vọng nói pháp không, cô Tỳ-kheo-ni Bảo Liên Hương lén làm việc dâm dục đang lúc sống mà rơi ngay vào địa ngục, đâu không phải gương để người sau soi xét. Người đời sau không lấy đó tự răn mình mà lại dẫm đạp vào vết xe đã đổ, khác nào kẻ đuổi dẫn dắt đám mù khiến cả thầy

trò đều phải chết chìm, thật khá thương thay.

Lại nếu như con hiểu nghe cha lầm lỗi, vì nhớ ân sinh thành nuôi nấng cũng còn bất nhẫn, huống bọn ta là con giòng học Thích lại phụ ân xuất thế, đối với hình tượng Phật và pháp ngôn lại lung lòng coi thường, phá hủy, ngang nhiên không chút sợ hãi, đầu chẳng đau xót lắm ư. Hạng người này chắc chắn phải đọa vào địa ngục năm vô gián, lửa dữ hừng hực ai nấy phải chịu quả khổ do ngày nay hiểu lầm, há là lời nói suông ư! Dầu như Ngài Đức Sơn, Đơn Hà thì cũng chỉ như đức Văn-thù v.v... chỉ một lúc nào đó vì người mà phá chấp, hiển lý mà thôi, há lại muốn đem việc này mà dạy lại cho đời sau ư! Nay chỉ vì người sau không biết là phương tiện của người xưa, lại càng ăn nuốt đàm dãi của người đã khắc nhổ mà một mực lầm gọi việc phá điện thờ, đốt tượng gỗ Phật là làm đạo rất ráo. Có thể gọi đó là điên đảo. Nếu tuân theo lời nói để lại mà thiêu tượng phá điện cho là đạo thì cả thiên hạ hàng Thích tử đời nay đều phải như Ngài Văn-thù-sư-lợi giắt kiếm theo lưng có Phật giết Phật, không Phật thì phá tượng tức là đạo, rồi không cần lấy định tuệ của Phật đã dạy để học mà làm đạo ư?

Lại giáo pháp của Phật được ở lâu trên đời đều hoàn toàn nhờ vào kinh tượng, hình dạng, oai nghi, các hạnh lành nương nhờ vào pháp mà có. Nếu không biết mà bỏ đi thì nhờ đâu mà được còn lâu dài. Thế nên Phật nói đối với các kinh tượng không cung kính đến nơi đến chốn còn bị tội lớn huống là chê bai phá hoại, bằng tội ngũ nghịch khá biết. Kinh Pháp Hoa có nói Đề-bà-đạt-đa ngày xưa khi làm tiên nhân A-tư-đà là thầy của Đức Thích-ca, Đức Thích-ca tự dùng thân mình làm giường ngồi để dâng lên cúng dường khiến mình đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, tướng đẹp sắc vàng ròng, đủ pháp vô úy nhiếp cho đến pháp Bất cộng, thần thông đạo lực, thành Phật độ sinh v.v... đều do Ngài Đề-bà-đạt-đa làm Thiện tri thức vậy. Ngày nay Đức Thích-ca đã chứng quả ông ấy muốn cùng thành đạo mà không nói pháp không, chỉ khen ngược pháp ấy, làm bị thương ngón chân út của Đức Phật còn không trốn được tội khổ nhiều kiếp ở địa ngục, huống lại là sau năm trăm năm vọng nói pháp không đoạn mất thiện căn của người, làm sao tránh được quả khổ. Lại Phật nói pháp không là bởi muốn khiến người thể nhập không mà dứt ác, tại sao không hiểu ý Phật chấp ngược vào không mà lui sụt điều lành, há không điên đảo ư. Lại người ấy đối với các pháp bất thiện còn nói là vô ngại thì không biết các pháp thiện còn ngại gì mà không muốn tu. Người xưa vì đã dùng câu “không rớt vào nhân quả” để trả lời người hỏi mà còn năm trời đời bị làm thân chồn hoang, nếu không nhờ lão

nhân Bá Trượng thì không thể thoát được, huống nay lại vọng nói pháp không bài bác là không có nhân quả, không sợ đời sau, lung lộng vọng nói không những chỉ phá hủy kinh tượng mà còn đem người ăn chay sánh với trâu dê, bảo kẻ nói pháp là người nói suông, tội ác không biết để đâu cho hết. Không biết rằng tuệ giải như mắt người, đạo hạnh như chân người. Có mắt mà không chân tuy thấy mà không thể đi, có chân mà không mắt tuy đi mà không thể thấy, vì không thấy nên tất phải rơi vào hầm hố, vì không đi thì làm sao đến được bảo sở. Tuy không thể đến lại biết phải quấy, đã rơi vào hầm hố, thân mạng đều mất. Như kinh gọi năm độ kia như mù, Bát-nhã như kẻ dẫn đường vì như mù nên đi tất phải lọt hố hiểm. Vì như kẻ dẫn đường tất phải đến bảo sở, đâu có thể bảo ngược việc nói kinh giáo là giải suông. Song giải và hạnh mỗi thứ đều rất cần yếu, giả sử có hạnh mà chẳng hiểu, chi bằng có tuệ giải vẫn hơn. Thí như bậc A-la-hán đối và thân voi mập đeo đầy chuỗi ngọc, nghĩa ấy có thể hiểu rõ. Lại như có hiểu mà không làm thì Bồ-đề có thể phát, còn có làm mà không hiểu thì khó hiểu được viên thừa. Cho nên biết Ngài Văn-thù có hiểu sâu mà làm thầy chư Phật, còn Ngài Phổ Hiền có hạnh lớn nên là cha khắp quần sinh, há có thể vướng vào một phía mà tự chấp. Ngài Nam Nhạc phái Thiền tông còn lấy “không giống một vật mà không ai chẳng tu chứng, không thể nhiễm ô” làm yếu chỉ cho việc nhập môn ngộ đạo, huống chi ngày nay nếu kẻ tà kiến quá sâu thì đâu khỏi nhanh chóng rơi vào chốn khốn khổ cùng cực. Kinh Lăng-nghiêm có nói: Tự cho là đủ, bỗng nhiên có đại ngã mạn vô cơ khởi lên, trong tâm còn khinh mười phương Như Lai huống gì là hàng Thanh văn, Duyên giác thấp kém. Kinh lại nói: Bỗng nhiên chỗ quy hướng dứt bật, bác là không có nhân quả, cứ một mực hướng vào không, tâm không luôn hiện tiền cho đến tâm sinh cái hiểu đoạn diệt, không chịu lay chừa tháp, dẹp phá kinh tượng, gọi kẻ Đàn-việt bảo đó chỉ là khối vàng đồng hoặc đồng đất, khúc gỗ... kinh thì chỉ là lá cây hoặc xấp hoa, nhục thân mới là chân thường mà không tự cung kính lại đi tôn thờ đất gỗ thật là điên đảo. Những kẻ tin chắc việc ấy cũng theo đập phá, chôn bỏ trong đất, làm nghi hoặc chúng sinh phải đọa vào địa ngục Vô gián, mất hết chánh thọ phải đọa lạc khổ đau thì mới biết rằng đức Thế Tôn đối với người vọng nói pháp không và kẻ chưa được bảo là được, chưa chứng bảo là chứng đã dự đoán chắc họ phải đọa vào địa ngục, rõ ràng như thế. Vậy người thời nay há có thể trốn khỏi lời ghi nhận của Phật được sao? Hoặc bảo rằng: “Ông Đạt-đa kia đọa vào địa ngục mà không bị khổ ta nào sợ chi” mà không biết rằng Đạt-đa do tâm muốn

khen ngược lại đạo của Đức Thích-ca nên ở trong địa ngục không những đã không thấy khổ mà còn vui như đang ở cõi trời Tam thiên. Nhưng vì phần thân khẩu dường như chệ bai chống báng nên phải đọa vào địa ngục, bằng như thân khẩu làm ra các tội mà phải chịu đủ vô lượng tội khổ. Thầy của Phật còn thế huống là người thời nay bắt chước làm theo khiến người khác không tôn kính kinh tượng, coi rẻ là gỗ đất, giấy cũ... khiến người khác không biết nhân quả, khinh bạc tội phước, trái lời răn dạy của Phật, gần gũi hạnh ngũ nghịch... các áo báo đó làm sao tránh khỏi được ư.

7. Khai thị pháp môn Thiên và Phật không hai.

Đức Thích-ca Như Lai đã dạy pháp môn niệm Phật chính là thống nhiếp cả pháp giới quần cơ không hề bỏ sót một ai. Thật là chỗ Ngài Văn-thù Phổ Hiền đã chứng nhập vào cảnh giới bậc đại nhân. Tứ Minh Phán của tông Thiên Thai cùng Hoa Nghiêm, Pháp Hoa đồng một bộ. Có ý vị thuộc đề hồ, tức Thiên tông chỗ gọi là đạo trực chỉ đơn truyền. Trong “Tứ liệu giản” của Ngài Vĩnh Minh bảo không có Thiên mà có Tịnh độ thì vạn người tu vạn người được. Chỉ được thấy Di-đà lo gì không được khai ngộ, thật là một đường hướng thượng. Vì sao người thời nay nhân mưu cầu danh lợi không được toại chí bèn xụ mặt than dài mà tự hối tiếc rằng: Than ôi, cả một đời ta đã chấm dứt. Việc tham Thiên không là điều ta mong ước, không bằng niệm ít câu A-di-đà Phật để tu cho đời sau dầu không lỗ vốn thì cũng tạm đủ. Do đó trở lại lưỡi nhác, chưa hề suy xét kỹ, thảng như hoặc bỗng gặp được chút ít chí thú thì liền trong khoảnh khắc vô số hành động xấu ác hiện ra trước mắt như xưa không ai ngăn cản được. Niệm Phật như thế nào có ích lợi gì? Nay biết rõ cái thấy đó, anh ta bảo việc tham thiên tuy kỳ diệu nhưng rất khó như xây tạo cả muôn gian nhà lớn, còn niệm Phật tuy thô nhưng khá dễ như tạo ra một nhà cỏ. Sự hiểu biết như thế, ví như đời đang đói khổ nay gặp được thức ăn ngon quý trăm mùi của hàng vua chúa mà cho là món ăn rau cỏ, gặp phải châu Như ý chúa mà tưởng là mất cá, thật đáng thương thay!

Không biết rằng Thiên, Phật hai môn, cách đi tuy khác nhưng cùng đến nhà, lý nó đồng nhau. Nên biết sở dĩ cách đi có khác, như tham Thiên là nắm lấy chính nó không cầu nhờ Phật, nhưng nếu tự mình không có đủ chánh tri kiến lại không gặp được người có chánh tri kiến thì dầu không lui sụt, phần lớn đều vào ma đạo, vì không có Phật lực cứu hộ vậy. Còn nếu niệm Phật thì tất cả không nắm lấy chỉ có niệm Phật kia, dầu không hiểu đúng và không có thầy bạn khai phát cho, chỉ

cần tin chắc là có thân Phật và cõi ấy, phát chí liền sinh ngay. Dẫu có mắc vào thiên tiểu thì cũng trở lại chánh kiến, vì có nguyện lực Di-đà cứu hộ vậy. Thế nên gọi cách đi có khác mà không phải bảo là pháp môn địa vị sâu cạn có khác. Thế mới biết tham Thiên tức là niệm Phật, niệm Phật tức là tham Thiên. Thiên mà không phải Phật thì không được vãng sinh, Phật mà không phải Thiên thì không được quán tuệ. Niệm Phật và tham Thiên há có hai lối. Nếu biết nghĩa này thì phải thừa lúc đang đắc chí, công danh phú quý mà một nhát dao cắt đứt, liền càng mạnh mẽ phát đại tâm, gắng sức thật hành đạo này. Ở đời nếu có vợ con, của cải quý báu, đầu, mắt, óc, tủy... cho đến cả thân mạng đều không luyến tiếc quyết chí cầu vãng sinh. Há có thể ngay nơi lúc mình luyến tiếc, bất đắc dĩ, xem pháp môn tối thượng như là đạo thấp kém, chòi cỏ, mắt cá, rồi lấy tâm cầu thả mà tu. Khá thương khá tiếc lắm thay ! Nếu là do nhân hối tiếc thì từ nay hãy dứt bỏ ngay đi mà sinh ra cái hiểu biết bảo sở của Đại thừa, tâm quyết định không còn lui sụt nữa. Ví như thuyền được thuận gió xuôi giòng mà còn thêm chèo chống, đâu không thể nhanh chóng đến nơi, may mắn nào bằng.

Hỏi: Nếu thế thì bên sách thiên có nói: Như có người hỏi thế nào là Phật thì đáp là que phân khô, hoặc đáp là ba cân gai. Lại hỏi khi nào thấy được thì một gậy đánh chết, hoặc cho chó cắn, muốn cầu thiên hạ thái bình cho đến ma đến giết ma, Phật đến giết Phật. Lại nói: Niệm Phật Tam-muội với tâm tôn kính, mến mộ, thương, sợ, khát ngưỡng, làm sao đồng với ý chỉ đến nhà?

Đáp: Niệm Phật vốn là trì niệm báo thân của Phật A-di-đà ở cõi Tây phương Cực lạc vậy. Báo thân Đức Phật này có vô lượng tướng hảo quang minh. Hóa Phật, Bồ-tát, Thanh văn, công đức nguyện lực không thể kể xiết, đây là thân Phật. Lại cảnh chỗ ở của Phật có đủ các thứ báu như ao hồ, đất đai, cây cối, cờ phướng, lưới giăng, hàng rào, đèn đài, chuông báu, phan lọng, hoa, nước v.v... tất cả đều trang nghiêm đẹp đẽ, đây là cõi nước. Song Đức Phật ấy lấy thân làm cõi, lấy cõi làm thân, thân cõi không chướng ngại, tâm cảnh viên thông, hoặc kia hoặc đây đồng một thọ dụng cho đến uẩn, nhập giới, xứ tất cả các pháp đều thẳng đến vô thượng Bồ-đề và cái nghĩa năng sát, sở sát, tất cả lúc, tất cả nơi đều không chướng ngại, không trói cột, không giải thoát, tung hoành, thuận nghịch, đều tức là sắc thân thanh tịnh Di-đà. Bởi vì sao? Vì tâm tức cảnh, cảnh tức tâm, thân tức cõi, cõi tức thân, chúng sinh tức Phật, Phật tức chúng sinh, đây tức kia, kia tức đây và các màu xanh, vàng, đỏ, trắng, các căn mắt tai mũi lưỡi, các pháp như thế hoặc tâm hoặc thân,

mỗi mỗi cùng đều tự tại, đều giải thoát, còn không kể các thứ dâm, nộ, si v.v... là phạm hạnh, làm bạn với trần lao là pháp lữ, thì có riêng gì là que cứt khô, ba cân gai không phải là Phật ư? Đây đã là Phật thì cần gì phải đợi đất sạch, đất đặc biệt mới thị hiện giáng sinh, móc thịt làm ghê khởi tướng độ sinh. Như đây mới thật đúng là một gậy đánh chết, cho chó cắn... đã bỏ bớt bao nhiêu sự làm bộ làm tịch, sáu năm khổ hạnh, hàng ma giảng pháp, trong pháp bình đẳng không còn sinh diệt thì lại nói sinh nói diệt lung tung khuấy động cả thế giới, làm não loạn tất cả, khiến đất bằng chết người vô số, đâu không phải là thiên hạ thái bình. Ôi đến đây rất kỳ hiểu lắm. Nếu cử động thì hãy lãnh lấy những nhát gậy đau điếng trong tay ta. Nếu bảo lời nói này là môn hạ của Tào Khê, không đụng phần đầu mà chạm tận đáy là việc chưa từng nằm mộng thấy, ta đã sớm đánh gãy lưng lừa của người.

Hỏi: E rằng không cho ông so sánh như thế?

Đáp: Cũng không ngoài việc so sánh này. Vả lại ông chớ bảo việc so sánh này là hữu tâm hay vô tâm, ta đã từng mấy lần so sánh rồi.

Hỏi: Chỉ việc này đã sớm so sánh ư?

Đáp: Ta mới vừa nói cái gì thế.

Kẻ hỏi không hiểu, một hồi lâu sau lại hỏi: Nếu tất cả là Phật thì kỳ phân chõi quét đều có thể dùng đáp lại câu hỏi ấy. Đâu cần phải lấy vật thấp hèn nhất là que cứt khô để trả lời ư?

Đáp: Tất cả đã là Phật thì cửa lớn cửa sổ, then cửa các cảnh hiện ra trước mắt đều có thể để hỏi được cần gì phải lấy thứ cao quý nhất là Phật mà hỏi, cho nên biết người hỏi tâm địa vốn thuần, nên phải lấy cái cao quý nhất của họ mà đáp là vì muốn phá chấp cho họ nên phải lấy ngược cái thấp kém nhất mà thôi. Nếu biết que phân không phải thấp kém, thì Phật cũng không cao quý. Há có thể bảo lời nói ấy có chỗ bất đồng mà vọng nhận thiên và niệm Phật là hai hạnh khác nhau.

Hỏi: Pháp môn niệm Phật này kỳ đặc như thế, thì cùng với Thiên Thiếu thất nói về chỉ tâm thành Phật, Thiên Thai tông bàn về quán tâm quán Phật, từ đầu không hề khác nhau. Có thể bảo là không khởi lên một niệm hiển rõ pháp nhiệm mầu cả tam thiên, mà ba quán rõ ràng không lìa muôn pháp, tốt cùng một môn chân như mà một tâm thấu suốt nhanh chóng. Vả lại dạy bọn ta là kẻ hậu học độn căn thì phải tu như thế nào để được tương ứng mà vãng sinh.

Đáp: Chỉ cần chịu bước đi thì lo gì mà không đến. Ví như trong hang trống nếu có tiếng phát ra tất có tiếng vang dội lại, nếu tiếng to thì âm vang to, nếu tiếng nhỏ thì âm vang nhỏ. Âm vang tùy tiếng phát ra

lập tức đáp lại. Cũng như chính ở nước Cực lạc lấy ba bậc chín phẩm để nhiếp thọ chúng sinh cũng tùy theo người có căn tánh lợi độn, sâu cạn, tà chánh, nhanh chậm mà dắt dẫn, ứng sinh với phẩm bậc nào không hề sót cơ. Cũng như vào hang kêu lên thì tiếng vang cao thấp ngắn dài đều đáp ứng đúng y. Nếu hay chuyên cần tinh tấn thì không uổng phí. Lại huống là thời gian không có trước sau thì còn lo gì độn căn. Vì nghĩa đó mà biết tất cả pháp môn tức là một pháp môn, một pháp môn tức là tất cả pháp môn. Đâu chỉ riêng Thiền và niệm Phật không hai, nêu đạo Đức Thích-ca một đời hành đạo giáo hóa không ngoài một pháp môn niệm Phật vậy. Lại pháp môn này lượng nó rất rộng lớn, bao gồm cả mọi căn cơ không sót, đâu hề lựa căn ngu hay trí. Xin khuyên các Bậc hiền nhân đời sau với pháp môn này chớ nên sinh dị kiến.

8. Nói về pháp môn hai cõi chiết nhiếp của chư Phật.

Về hai cõi tức là hai môn chiết nhiếp của chư Phật. Người tu hành đã nghe nói về cảnh giới y chánh thì có thể căn cứ vào ý chỉ kinh ấy mà hiểu rõ rằng cõi này thật khổ và cõi kia thật vui. Tuy nghe pháp môn quán tuệ viên dung vi diệu mà thấy ngay rằng hai cõi nghiêm nhiên đều là cảnh thật, không phải như kẻ tin tưởng cạn cạn. Nghĩa là cõi ấy tâm có thì có, tâm không thì không, sáng tối huyễn hóa, hư vọng không thật, mọi nơi đều là giải thoát ở Tây phương, biết chắc cõi ấy cũng chắc thật như cõi này không hề lầm lẫn. Nếu người này hay đầy đủ trí đó không bị tất cả hiểu biết sai quấy thiên lệch ở thế gian của các ác tri thức lay chuyển thì phải chánh quán hai cõi khổ vui, như sạch. Đối với cảnh ấy mà có hai loại tâm, lấy đó làm phương tiện. Nếu không có hai tâm này thì không thể sinh lên cõi ấy được.

Hai tâm ấy là gì? Một là, tâm chán lìa; hai là, tâm ham thích. Vì chán lìa cõi Ta-bà thì mới có thể tùy thuận vào chiết môn đã nói của Đức Thích-ca, vì ham thích cõi Cực lạc kia thì mới hay tùy thuận vào nhiếp môn đã hiển bày của đức Di-đà. Do hai môn này mà tinh tấn tu hành thì niệm Phật Tam-muội nhất định sẽ thành tựu.

Thế nào là chiết môn? Vì đã nghe nói các cảnh đẹp mầu ở cõi Cực lạc nên đúng lý mà quán sát thế giới Ta-bà này đều là khổ không có một tí vui nào. Có ba đường dữ như địa ngục ngày đêm bị thiêu đốt còn nạ quỷ bàng sinh thì khổ não khó chịu nổi, A-tu-la thì giận dữ đánh nhau luôn, loài người thì có mấy khi yên ổn, căn trần cùng tám khổ luôn nung nấu, nhân quả khiến bốn loài luôn lên xuống. Thời tiết thì có nóng lạnh, cảnh vật thì toàn bùn cát, ngày đêm luôn đời đời mãi không ngừng, lại phải chịu thân hôi thúi, nam nữ hình thù khác nhau, nhu cầu

ăn mặc luôn đòi hỏi, khó khăn thô xấu, tuổi thọ không dài, các khổ cùng sinh. Dầu có sinh lên thiên cung khi hết phước báo rồi thì lại càng bị khổ hơn. Lại không biết ở loài người vui chính là khổ, thân thiết là oán thù rồi điên đảo mê lầm vướng dính vào nhau không tìm lối thoát, từ nghiệp mà tạo nghiệp khác xoay vần mãi không ngơi nghỉ. Các khổ nào như thế không thể kể hết, cho nên cần phải chán lìa.

Thế nào là nhiếp môn? Người tu hành nghe nói cõi Ta-bà thật khổ như thế nên đối với cõi Cực lạc kia vô cùng ham thích. Ở cõi Cực lạc ấy đất báu, ao báu, không có ba đường dữ, trang nghiêm đẹp đẽ vượt trội hơn cả mười phương, không có lạnh nóng ngày đêm dời đổi, không có kết nghiệp sinh già bệnh chết, thuần là nam không có nữ, hóa sinh từ hoa sen, ăn mặc tự nhiên hay thành pháp hỷ, tuổi thọ vô cùng, thân luôn có ánh sáng. Nghe pháp âm thì liền nhớ biết quy về thấy tướng đẹp mà ngộ đạo trong khoảng khắc. Các thứ như thế sung sướng vô cùng nên gọi là Cực lạc cho nên cần phải ham thích. Nếu hay đối với hai môn này mà tinh tấn tu tập hàng ngày không ngơi nghỉ luôn tùy thuận lời Phật dạy. Đối với các cảnh âm thanh màu sắc ở cõi này mà tưởng là địa ngục, tưởng là biển khổ, tưởng là nhà lửa. Đối với các vật báu tưởng là các vật gây khổ ăn uống y phục tưởng là máu mủ da sắt, đối với các bà con thân thích tưởng là loài quỷ Dạ-xoa, La-sát ăn thịt người, huống lại sinh tử không hề dừng nghỉ mà phải suốt kiếp, trôi giạt thật đáng chán lìa. Nếu đối với kẻ tri thức biết trong kinh nghe nói về nguyện lực của Phật ấy có cõi nước đẹp đẽ trang nghiêm rồi trong mỗi niệm đúng với lý thú ấy mà sinh tưởng an ổn, tưởng là bảo sở, tưởng là gia nghiệp, tưởng là nơi giải thoát, với Di-đà Như Lai, Bồ-tát tăng chúng thì tưởng là cha lành, tưởng là mẹ hiền, tưởng được tiếp dẫn, tưởng là cầu đò, trong các tai nạn nguy khốn sợ hãi, xưng niệm danh hiệu liền ứng nghiệm không phí công, tưởng chỉ khoảnh khắc là nhanh chóng đến cứu hộ nên luôn nghĩ nhớ việc xuất ly, như thế công đức vô lượng thật đáng ham thích.

Nếu đối với chiết môn này mà không thể tu hành vì chán lìa không sâu chắc thì khó thoát khỏi nghiệp ràng buộc ở cõi Ta-bà. Nếu đối với nhiếp môn kia cũng không thể tu hành, vì ham thích không tha thiết thì cảnh đẹp Cực lạc tất khó đến. Thế nên người tu hành muốn sinh lên cõi Tịnh độ, thành tựu niệm Phật Tam-muội thì phải tu cùng lúc cả hai môn làm bước đầu tiên để lên đường. Nếu không tu hai môn này thì tuy hiểu rõ ý chỉ quán tuệ nhưng chỉ là hiểu suông. Dầu có muốn sinh lên cõi ấy nhưng vì không có ham muốn và chán lìa thì không nhân đâu mà được. Nếu hay tu hai môn này mà lại không biết rõ ý chỉ quán tuệ đầu có sinh

lên cõi ấy chỉ là sự tướng nên địa vị không được ở hàng cao. Nhưng nếu hay mạnh mẽ ham thích và chán lìa tu trọn vẹn quán tuệ thì đã được sinh mà còn ở thượng phẩm nữa. Kẻ tu học đâu nên cho đây là sự cố chấp về tướng mà khinh bỏ đi.

Có kẻ hỏi vì sao không bỏ hẳn các duyên, một niệm muôn năm khiến cho tâm cùng lý hội, cảnh cùng thần dung nhau, hợp đạo tự nhiên. Cần gì phải ham thích, chán lìa, lấy bỏ... quá đáng như thế.

Đáp: Nếu bảo bỏ hẳn các duyên là đạo, chỉ khởi tâm một niệm dứt bỏ liền không gọi là dứt bỏ, như thế lại cùng đạo trái xa nhau, nó giống như đoạn kiến của ngoại đạo cho nên Ngài Nga Hồ có nói rằng “chớ nên có bệnh quên thân và tâm chết, thứ bệnh nan y này rất nặng khó trị”. Lại bảo nếu cứ im ỉm mặc tình như ngu dại thì biết là ông chưa hiểu rõ việc công phu tu tập. Lại trong mười tám pháp Bất cộng của Phật thì có pháp tinh tấn không giảm sút. Lại có nhân tinh tấn thì sáu pháp Ba-la-mật mới được trọn thành. Vả như dứt bỏ là chỉ dứt bỏ nghiệp duyên ở thế gian há lại dứt bỏ cái tâm tinh tấn thể đạo hay sao? Người xưa bảo ngồi vô sự trong mai rùa vỏ ốc chính là hạng người này vậy. Nếu bảo dứt bỏ tự tại là đạo mà không cần thêm tinh tấn, một lòng tu hành thì há có được tâm hội cảnh dung quyện thành một khối cùng hợp với đạo ư? Nếu biết rằng không dứt bỏ tức là dứt bỏ, hăng hái ham thích, chán lìa, lấy bỏ tức là không ham thích chán lìa lấy bỏ, tu tức là không tu, niệm tức là không niệm thì gọi là vô công dụng hạnh, cũng gọi là diệu tâm vô tác, có lý nào khó nhanh chóng chứng được Trung đạo. Lại tu cho nên lìa đoạn, không tu lìa thường. Đoạn và thường đã lìa thì có gì khác mà hỏi, mà sinh thẳng vào thế giới an lạc vì hai vị đại sĩ đồng tu hằng ngày gặp Phật Di-đà. Lúc đó có pháp nào mà không thể hỏi, có hạnh nào mà không thể học, có nghi nào mà không thể trừ, có mong cầu nào mà không thể được. Đã không còn lui sụt nữa thì sự ham thích và chán lìa này há không phải là nhân hạnh lớn để thành quả Vô thượng chánh giác sao?

9. Khuyến tu.

Đã lìa sạch như đồng một tâm, chúng sinh và Phật cùng một lý, các pháp vốn bình đẳng thì sao cần phải khuyến tu. Nhưng vì chúng sinh do mê tâm tạo cảnh, sạch như phân riêng đối đãi mà thành, ràng buộc thoát ly có khác cho nên nhiều kiếp bị buộc ràng mà không biết không hay, cho nên cần phải khuyên bảo chúng sinh ở biển khổ cõi Ta-bà mau cầu sinh về thế giới Tây phương Cực lạc. Người tu hành trước vừa nghe nói về hai thứ pháp môn thì phải biết chắc cõi sạch như, vui khổ, chân

thật không lầm lỗi, liền phải phát hạnh cầu vãng sinh như kẻ nông dân kia do lợi mà phải nhảy vào cuộc ngăn lại không được. Song người nông dân kia chỉ bị cái khổ ngăn ngủi của một năm đói lạnh, còn phải cam chịu suốt ngày đêm không ngơi nghỉ, sớm lo chiều khổ trải suốt cả năm trời không biết mỗi mệt, huống là kẻ tu pháp Tam-muội kia, nếu một niệm siêng gắng thì vượt thoát cái khổ muôn kiếp ở Ta-bà, đâu chỉ bằng một năm đói lạnh, còn được sinh lên chốn an vui ở chín phẩm Cực lạc đâu chỉ bằng một năm ấm no. Lấy việc người nông dân mà so với việc tu hành này thì hơn kém quá rõ, vậy thì càng không đợi người khuyên. Lại trước đã chỉ rõ cho người hai môn chiết nhiếp ý chỉ đã rõ ràng. Như nói rằng đây là vàng ngọc, kia là cát đá dầu đưa bé lên năm cũng bỏ đá mà chọn lấy vàng không cần khuyên mà tự lấy, bởi tự biết cái gì là quý là hèn. Người tu hành cũng thế, đã biết rõ cõi này là khổ, cõi kia là vui, đây là sinh tử đắm chìm, kia là tự tại giải thoát thì tất cũng phải bỏ cõi nhơ nhớp này mà cầu sinh về cõi sạch đẹp kia. Tự nhiên niệm niệm không dừng, tâm tâm không nghỉ gấp gấp như cứu lửa cháy đầu, nghe dạy thì thật hành liền sao cần phải đợi khuyên bảo. Hai cõi khổ vui là chính do Phật nói, hãy tin chắc chớ ngờ vực, nếu tu thì liền được. Người nay thấy phân dãi thì khịt mũi nhúu mày, ghét mùi hôi thúi mà bỏ đi nhanh, còn khi thấy gấm lụa đẹp thì rạng rỡ mỉm cười, ham hố ngọc đẹp muốn mau có được. Đó là cảnh huyễn hoặc xấu đẹp tạm thời mà còn không thể nhận được, ghét yêu hừng hực, huống là chỗ rất vui rất khổ muôn kiếp mà không nhanh chóng ham thích chán lìa. Đáng gọi là lầm to ngu dử.

Lại ở thế giới Ta-bà này Đức Thích-ca đã diệt độ, Phật Di-lặc chưa sinh, các bậc Thánh hiền còn ẩn kín, tất cả chúng sinh đang dong ruổi đắm chìm trong biển khổ, như con thơ mất cha. Nếu không nhờ nguyện vương Cực lạc làm chỗ nương về thì ai sẽ cứu giúp. Lại còn huống chi ở cõi này sáu nẻo lẫn lộn, hàng trời người tuy có hơn nhưng phước báo hết thì liền rơi xuống. Vả nay lấy việc tu hành của loài người để vượt lên luận thì đấng thần tiên chưa rời khỏi mặt đất và khoảng không kia thì không dễ đạt đến, huống là cõi trời. Người sinh lên trời do cái nhân ba phẩm thập thiện sinh làm trời trong ba cõi từ thấp đến cao đều phải trải qua nhiều kiếp không đúng như ước nguyện, thành công thì ít mà thất bại thì nhiều như một giọt nước so với nước biển cả. Trong khoảng đó nếu gặp phải bọn tà ma dữ sẽ bị lui sụt vĩnh viễn. Làm sao dám nói được ra khỏi ba cõi mà trông mong vào các địa bốn quả bốn hưởng, huống trải suốt tín-trụ-hạnh hưởng đến các địa, mà vượt thoát

khỏi cõi này ư? Nếu hay tu pháp môn niệm Phật này cầu sinh Tịnh độ thì tuy ở địa vị phàm phu không ra khỏi một đời nhưng liền cắt ngang ba cõi, năm nẻo sinh tử mà vượt tất các cõi nhờ Đức Phật tiếp dẫn, nhanh chóng sinh về nước An dưỡng. Ở đây từ đài sen thượng phẩm hóa sinh, hoa nở liền thấy Phật, nghe pháp ngộ đạo, không rời chánh niệm đi khắp các phương cúng dường tất cả Tam bảo, giáo hóa tất cả chúng sinh. Khi đức Di-lặc Thế Tôn giáng sinh lại tái sinh vào cõi này cùng Phật từ bi hoằng hóa. Trải nhiều đời có bao nhiêu cha mẹ, vợ con, anh chị em trong mọi cảnh thân thích oán thù... đều dùng đạo phẩm, dẫn dụ khuyên bảo tu chứa nhân lành đều khiến chứng quả. Như thế hạnh nguyện kia há chẳng rộng lớn sao?

Ở thế giới Ta-bà này có ba chương và tất cả các kiết nghiệp nhưng không thể làm phiền lụy được ta. Công đức như thế nếu chỉ một niệm mất tu thì liền thuộc vào đời sau, há nên tự chần chờ chậm trễ ư? Huống lại cuộc đời ngàn chuyện rối rắm luôn quấy nhiễu trói cột như gông thép khóa sắt nối tiếp mãi không dừng. Tâm thì niệm niệm không dứt, thân thì chỗ chỗ không yên, hành hạ lên xuống chìm nổi, che lấp bốn tánh của ta từ vô số kiếp đến nay chưa từng ngơi nghỉ. Vô thường đời đời không chút dừng lâu. Dầu tuổi thọ một trăm năm không hơn khoảng tíc tắc, hôm nay đến sáng mai chưa chắc đã còn thở. Chợt nhiên bỗng nhắm mắt, bất giác khoảnh khắc đã sang đời khác. Rồi tùy theo nghiệp nhân mà chịu loại hình thể khác, mang lông đội sừng đi bò trên đất hoặc bay trên không. Các hiểu biết ngày nay đều mất, hoảng hốt sợ hãi nơi ba đường sáu nẻo trôi giạt nhiều kiếp không tự biết mình sẽ nương tựa về đâu, có thể bảo là khổ cùng cực. Dầu có đức Di-lặc ra đời mà mình không tự biết sinh ở chốn nào. Tiếng cha mẹ, Tam bảo còn không được nghe, huống là luận bàn kinh giáo. Tuy nhận thân khác nhưng tiếc giữ sâu nặng, nhân nghiệp gây thêm nghiệp, từ mê mờ vào tăm tối, ham sống sợ chết không khác chi ngày nay. Nếu không ngay chính phút giây này đây mà bắt chước học đòi các bậc Đại giác trượng phu đi trước, mạnh mẽ phát tâm rộng lớn, lập chí quyết định hăng hái phô bày sức mạnh nâng đánh xô núi, một nhát cắt đứt lìa, trốn thoát khỏi chốn rừng rậm, khiến mở toang hai đầu dứt bỏ khoảng giữa đâu thể nào hạnh nghiệp sáng rõ, phóng quang náo động cả nhân thiên, các quần sinh đều nhờ ân, chư Phật cùng hộ niệm. Đóng chặt ba nẻo ác thú, mở toang cửa tổng trì liền khiến không cần đợi hết báo ở cõi Ta-bà mà liền được vãng sinh ngay. Còn như lại chờ đợi chỗ nơi yên ổn, y phục ăn uống đầy đầy, sẵn đủ hương hoa, mọi việc đều xứng

ý, nghĩ trước tính sau, chọn ngày giờ tốt, khắp ơn đều oán trả, mọi việc đều xong rồi mới cất bước lên đường, bắt tay vào việc. Chừng đó giả sử cõi hư không này có cùng tận chứ ngày ấy không bao giờ có. Đó gọi là ngày nắng tạnh lại chẳng chịu đi, đợi đến lúc mưa dầm dề hay sao? Lời xưa có nói: “Nay được nghỉ ngơi cứ nghỉ ngơi, cố tìm lúc rảnh, rảnh đâu tìm, đây là nói việc ấy vậy.”